



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38368363 - Fax: (08) 38361 278

Email: hatien1@hatien1.com.vn; Web: www.hatien1.com.vn; Mã chứng khoán: HT1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016



LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa quý vị cổ đông,

Hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 hiện là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam tại miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, Công ty đã cung cấp cho thị trường các loại xi măng và sản phẩm sau xi măng với chất lượng cao và ổn định, phục vụ nhiều công trình trọng điểm quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Vị thế của Công ty cùng thương hiệu "**ViCem Hà Tiên**" đã không ngừng phát triển, luôn gắn với biểu tượng "**Con Kỳ Lân xanh**" cùng sứ mệnh "**Lớn mạnh do bạn và vì bạn**".

Năm 2016, kinh tế thế giới đối mặt với tổng cầu còn duy trì ở mức thấp, đầu tư thấp, giá cả hàng hóa thấp và bất ổn trong thị trường tài chính. Áp lực lạm phát toàn cầu góp phần đẩy nhanh việc thắt chặt tiền tệ ở một số nước đang phát triển, trong khi đó tình hình diễn biến lại ngược lại ở một số nước như việc nới lỏng tiền tệ ở khu vực đồng Euro và Nhật bản.

Ở trong nước, mức tăng trưởng GDP năm 2016 chỉ đạt 6,21%, tuy thấp hơn mức tăng của năm 2015 và không đạt mục tiêu đã đề ra là 6,7%, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện.

Đối với Hà Tiên 1, ứng phó với những biến động kể trên, công tác sản xuất & kinh doanh luôn được chú trọng; quản lý và điều hành linh hoạt, nên đã giữ vững được khả năng cạnh tranh góp phần làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty vượt hơn mục tiêu đề ra trong năm 2016.

Năm 2017, mục tiêu hành động của Hội đồng quản trị Công ty là tiếp tục chỉ đạo đầu tư đổi mới, phát huy lợi thế về thị trường và tiềm năng xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động của mình, nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, phát triển thương hiệu, giữ vững khả năng cạnh tranh trên thị trường, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, nhằm mang lại lợi ích nhiều hơn cho Quý cổ đông Công ty.

Sự phát triển của Công ty cho đến nay, đều nhờ vào sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác của các Quý cổ đông, của các khách hàng và sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị chúng tôi luôn mong muốn điều này sẽ được tiếp tục phát huy tốt hơn nữa trong nhiều năm tiếp theo.

Thay mặt Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc và kính chúc mọi người luôn thành đạt trong công việc, thành công trong cuộc sống và tiếp tục gắn bó với VICEM HÀ TIÊN trong tương lai.

Trân trọng kính chào.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRẦN VIỆT THẮNG**

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	4
2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
3. Các rủi ro.....	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	14
2. Tổ chức và nhân sự:.....	15
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:	16
4. Tình hình tài chính:	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:.....	21
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	24
PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:	25
1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016	25
2. Tình hình tài chính năm 2016:.....	26
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị	27
4. Vicem Hà Tiên cam kết phát triển xanh và bền vững bằng các phương pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất với mục tiêu luôn hướng về cộng đồng.....	27
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	27
PHẦN 2: KẾ HOẠCH NĂM 2017	29
1. Kế hoạch năm 2017	29
2. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2017	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
1. Về cơ cấu của HĐQT:.....	35
2. Về kỹ năng của HĐQT:.....	35
3. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:.....	35
4. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2017:	35
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	36
1. Hội Đồng Quản Trị.....	37
2. Ban Kiểm Soát	41
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký	43
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	45

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (Hà tiên 1) là công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước và đã cổ phần hóa chuyển thành Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2007. Trong hơn 50 năm qua, Hà Tiên 1 là đơn vị chính của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, chiếm thị phần 10,9% thị phần xi măng ở Việt Nam, 31,36% thị phần của thị trường khu vực phía Nam. Cùng với thương hiệu "VICEM Hà Tiên", vị thế của Hà Tiên 1 luôn không ngừng phát triển với biểu tượng "Con kỳ lân xanh" và khẩu hiệu "Lớn mạnh do bạn và vì bạn".

- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0301446422, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08/12/2016
- Vốn điều lệ : 3.816 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 3.816 tỷ đồng
- Địa chỉ : 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại : +84. 08. 38 368 363 - 38 367 195
- Số fax : +84. 08. 38 361 278
- Website : www.vicemhatien.com.vn
- Mã chứng khoán : HT1

Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm Quá trình hình thành

- Năm 1960: Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên và đưa vào hoạt động từ ngày 21/3/1964
- Năm 1974: Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư chương trình khuyếch trương xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương; 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức
- Năm 1993: Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên được tách thành nhà máy xi măng Hà Tiên 1, Nhà máy xi măng Hà Tiên 2
- Năm 1994: Nhà máy xi măng Hà Tiên 1 đổi tên thành "Công ty xi măng Hà Tiên 1"
- 10/1999: Cải tổ công tác tiêu thụ sản phẩm, thành lập hệ thống các Nhà phân phối chính
- 10/2000: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000
- 31/12/2003: Chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- 01/2001: Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000 tấn xi măng/năm
- 30/12/2003: Lễ khởi công dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, tổng công suất 1,76 triệu tấn clinker/năm và 2,0 triệu tấn xi măng/năm (01 dây chuyền xi măng đặt tại Bình Phước, 01 dây chuyền xi măng đặt tại Phú Hữu)
- 08/2004: Hoàn thành dây chuyền sản xuất vỏ bao dán theo công nghệ hiện đại

- 12/2004: Phòng thí nghiệm Hà Tiên 1 được công nhận đạt chuẩn quốc gia với số hiệu VILAS 125
- 06/02/2007: Chính thức chuyển thể thành Công ty cổ phần, kế thừa toàn bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1
- 30/3/2007: Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- 31/03/2007: Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
- 13/11/2007: Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 với mã chứng khoán HT1, doanh nghiệp nhà nước đầu tiên ngành xi măng phía Nam niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
- 11/2007: Chào đón tấn xi măng thứ 33.333.333. Với con số này Hà Tiên 1 được công nhận là Công ty có số lượng xi măng bán ra nhiều nhất trên thị trường phía Nam
- 30/10/2008 Trạm nghiền Phú Hữu chính thức xuất xưởng tấn xi măng đầu tiên
- 24/12/2008: Ra mắt thương hiệu xi măng Vicem Hà Tiên đồng bộ với Tổng Công ty Công Nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem), một trong những bước đi nhằm thực hiện chiến lược củng cố thị phần và duy trì vị trí số 1 thị trường xi măng trong nước
- 10/04/2009: Lễ khởi công dây chuyền HT2.2 tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- 12/06/2009: Đưa dây chuyền nghiền xi măng công suất 500.000 tấn tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào hoạt động
- 13/07/2009: Phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng
- 12/11/2009: Trụ sở chính của Công ty chuyển về hoạt động tại địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, Quận 1 – TPHCM
- 29/12/2009: ĐHĐCĐ bất thường năm 2009 của Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1, đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Công ty
- 08/06/2010: Chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu chuyển đổi từ Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2 sang Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tại sàn chứng khoán HOSE
- 25/06/2010: Nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Vicem Hà Tiên, các chi nhánh gồm:
- Nhà máy xi măng Bình Phước, địa chỉ: xã Thanh Lương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.
 - Nhà máy xi măng Kiên Lương, địa chỉ: Quốc Lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
 - Trạm nghiền Long An, địa chỉ: KCN Long Định, Xã Long Định, Huyện

Cần Đước, Tỉnh Long An.

- Trạm nghiên cứu Phú Hữu, địa chỉ: phường Phú Hữu, quận 9 - TPHCM.
 - Trạm nghiên cứu Thủ Đức, địa chỉ: Km 8, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức – TPHCM.
 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên, địa chỉ lầu 3, số 19 đường Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- 12/07/2011: Tiếp nhận Dự án Trạm nghiên cứu xi măng Cam Ranh từ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng, đưa Trạm nghiên cứu Cam Ranh vào hoạt động và tổ chức sự kiện “Chào mừng tấn xi măng đầu tiên tại Trạm nghiên cứu Cam Ranh” vào ngày 19/07/2011
- 23/05/2012: Dây chuyền HT2.2 cho ra lò tấn clinker đầu tiên
- 06/01/2012: Trạm nghiên cứu Phú Hữu nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 20/07/2012: Nhà máy xi măng Bình Phước đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 08/12/2012: Nhận chứng nhận hợp quy QC 16-1
- 20/12/2012: Trạm nghiên cứu Long An nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 24/12/2012: Trạm nghiên cứu Cam Ranh nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 21/03/2014: Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển
- 24/12/2014: Công ty và các chi nhánh thực thuộc Công ty nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000
- 21/10/2015: Thành lập Chi nhánh: Xí nghiệp quản lý đường BOT Phú Hữu, địa chỉ 14/68 Đường 990, khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Tp.HCM
- 26/01/2016: Nhà máy xi măng Kiên Lương đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 28/11/2016: Hoàn tất chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 cho tất cả các chi nhánh trực thuộc Công ty
- 30/11/2016: Trạm nghiên cứu Thủ Đức chấm dứt hoạt động để di dời sau 52 năm sản xuất kinh doanh.

Những thành tích đạt được

- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 2010 đến nay
- Huân chương Lao động hạng III
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng
- Năm 2005 đạt danh hiệu “Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản”
- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2006
- Sao vàng đất Việt top 100 năm 2000

- Chứng nhận ISO 9001, 14001, 18001
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội
- Năm 2009 đạt thương hiệu chứng khoán uy tín
- Sản phẩm vàng hội nhập WTO năm 2014
- Thương hiệu Việt top 10 năm
- Năm 2016, Hà Tiên 1 vinh dự là 1 trong 2 Doanh nghiệp của Việt Nam được trao giải thưởng ASEAN-OSHNET do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và Ban điều phối Mạng An toàn, vệ sinh lao động ASEAN dành cho Doanh nghiệp điển hình tốt về ATVSLĐ của 10 nước ASEAN.



Sao vàng Đất
Việt



Cúp vàng
Vietbuild



Cúp vàng nhân
hiệu và thương
hiệu



Danh hiệu Hàng
Việt Nam chất
lượng cao



Thương hiệu
chứng khoán uy
tín

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm từ vôi.
- Sản xuất các sản phẩm từ vôi, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng.
- Mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi, thạch cao, cát đá sỏi.

Địa bàn kinh doanh:

- Trong nước: từ Phú Yên đến Cà Mau.
- Xuất khẩu: Campuchia.

2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị của công ty là mô hình quản trị theo chức năng và được tổ chức như sau:

i. Ban quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Tổng giám đốc của công ty bao gồm Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc:

- Tổng giám đốc được ủy quyền của Hội đồng quản trị (HĐQT), hoạt động như người đại diện theo pháp luật của công ty, quản trị và điều hành tất cả các hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực khác nhau, bao gồm:
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.
 - Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuỗi cung ứng.

ii. Đơn vị Bán hàng

Xí nghiệp tiêu thụ gồm có Ban Giám đốc, 8 trung tâm tiêu thụ và 12 phòng ban, trong đó có trách nhiệm phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

iii. Đơn vị Sản xuất

Hà Tiên 1 gồm có 05 đơn vị sản xuất gồm có 02 nhà máy sản xuất clinker, xi măng, 03 chi nhánh trạm nghiền xi măng trực thuộc và trạm nghiền xi măng gia công Hạ Long, với nhiệm vụ sản xuất, cung cấp và phân phối xi măng giữa các tỉnh trong khu vực trung tâm phía Nam, trải dài phía Nam Việt Nam từ miền Đông nam bộ, Tây nam bộ và Tây nguyên đến miền Duyên hải Nam Trung bộ - Mũi Cà Mau.

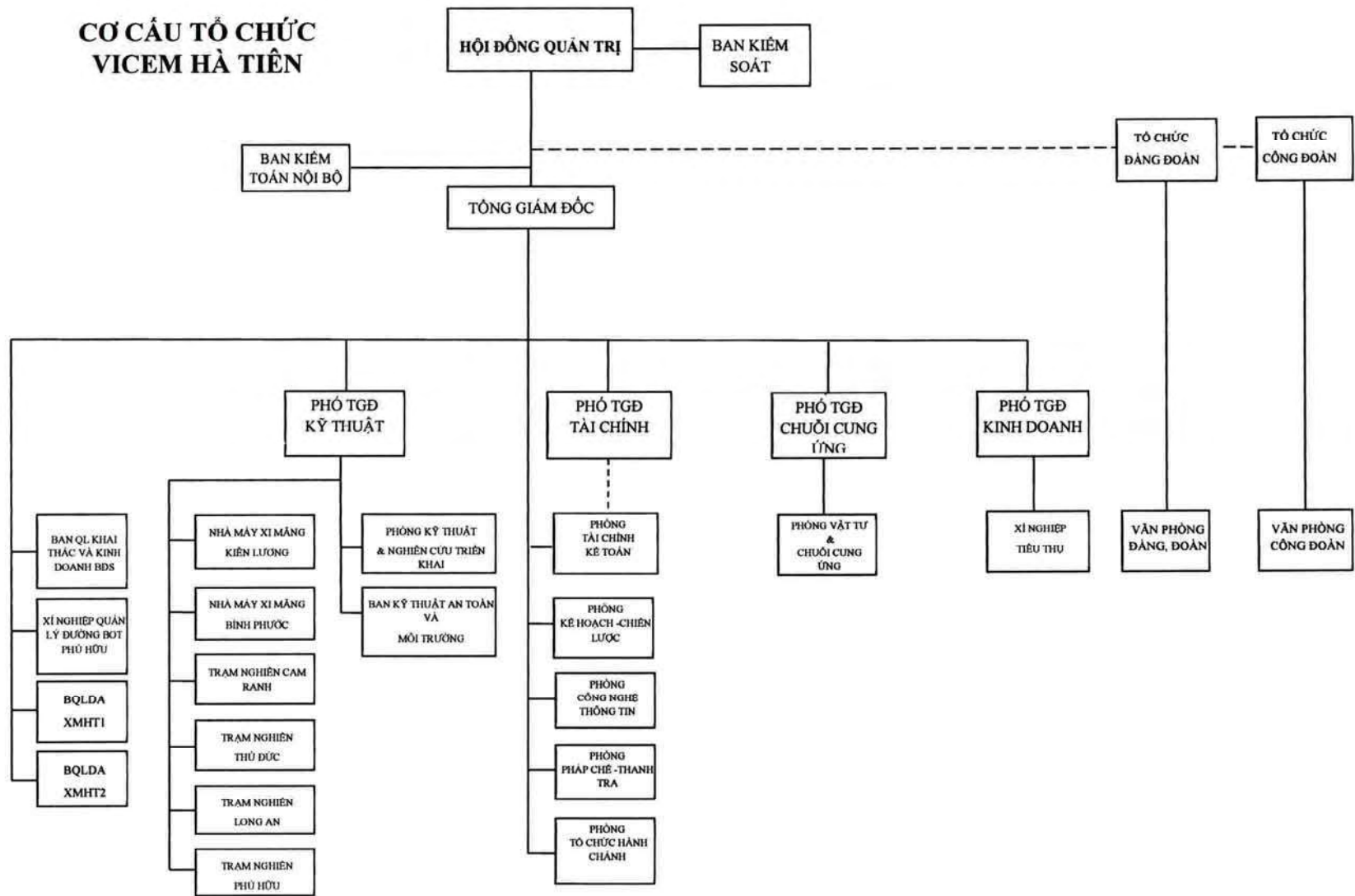
iv. Phòng ban Hỗ trợ và quản lý

Hà Tiên 1 có bộ phận giúp việc và hỗ trợ gồm có 08 phòng ban quản lý tại trụ sở chính, 03 ban quản lý dự án và 01 ban quản lý Bất động sản, không bao gồm các phòng ban hỗ trợ tại các trạm và các nhà máy, chịu trách nhiệm hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ và triển khai đầu tư các dự án của Công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Theo mô hình tổ chức bộ máy quản lý như sau:

CƠ CẤU TỔ CHỨC VICEM HÀ TIÊN



Các công ty con, công ty liên kết

i. Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô Tô

- Địa chỉ: 701 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Vốn điều lệ Công ty: 42.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 tham gia góp: 10.200.000.000 (góp bằng tài sản cố định và quyền thuê đất), với tỷ lệ sở hữu là 24%.

ii. Công ty CP Cao Su Bến Thành

- Địa chỉ: Lô 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hai (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su.
- Vốn điều lệ Công ty : 123.749.970.000 đồng.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 23.100.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 18,67%.

iii. Công ty CP Vicem Thạch cao Xi Măng

- Địa chỉ: 24 đường Hà Nội, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại; kinh doanh xi măng các loại, nghiền xi măng các loại; sản xuất, dịch vụ.
- Vốn điều lệ Công ty: 70.000.000.000 tỷ.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 7.000.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 10%

2. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Chúng tôi nhận thức rằng Vicem Hà Tiên “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”, do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.
- Công ty cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng.
- Công ty quyết tâm thực hiện chiến lược bảo vệ và phát triển thị phần tại khu vực Đông Nam bộ, giữ vững thị trường truyền thống tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng thị trường tại khu vực Nam Trung bộ & Tây nguyên, Campuchia và một số nước lân cận.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hà Tiên 1 cam kết sản xuất xanh, phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích tổng hợp toàn diện cao nhất cho cổ đông, người lao động, cho Nhà nước, xã hội và cộng đồng.
- Công ty thực hiện các chiến lược về sản xuất để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu, uy tín, chất lượng. Về tiêu thụ tại khu vực phía Nam với thương hiệu dẫn đầu thị trường và chiến lược mở rộng thị trường mục tiêu ở Tây Nguyên, Duyên hải

Nam Trung Bộ và xuất khẩu sang Campuchia, phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty công nghiệp xi măng ở Việt Nam.

- Hà Tiên 1 luôn và tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư có khả năng sinh lợi, phù hợp theo năng lực và định hướng của công ty, thực hiện các chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn và tập trung cốt lõi và các mảng hoạt động kinh doanh, như sau:
 - Sản xuất và kinh doanh các loại xi măng.
 - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau xi măng.

3. Các rủi ro

Rủi ro cạnh tranh

- Thị trường xi măng Việt Nam đến 2025 dự báo cung vẫn vượt cầu, năm 2017 tổng cung dự kiến vượt tổng cầu khoảng 22 – 25 triệu tấn (tương đương 25%-27% tổng công suất các nhà máy, trạm nghiền). Sản lượng dư thừa này khi gặp khó khăn trong xuất khẩu do các thay đổi trong chính sách thuế GTGT hàng xuất khẩu và nguồn xi măng xuất khẩu giá rẻ từ các nước như Trung Quốc, Thái Lan sẽ quay trở lại thị trường trong nước, tăng áp lực cạnh tranh lớn về chi phí sản xuất, kéo giảm giá bán sản phẩm, tác động bất lợi đến hoạt động SXKD xi măng trong nước.
- Các doanh nghiệp trong khối ASEAN, nhất là Thái Lan đang gia tăng hoạt động thâm nhập, mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp xi măng trong nước, tăng cường mở rộng mạng lưới cung ứng và phân phối, cạnh tranh giành giật thị trường, thị phần với các doanh nghiệp xi măng Việt Nam.
- Hiện nay, thị trường bất động sản hồi phục, các dự án khởi động trong giai đoạn đầu tư và để đón đầu nhu cầu xây dựng trong giai đoạn các năm tiếp theo, các nhà máy xi măng trong những năm gần đây cũng tăng đáng kể dẫn đến cung xi măng đã vượt quá cầu, đồng thời có nhiều công ty nhỏ lẻ, manh mún sẽ dẫn đến hiện tượng hàng tồn kho tăng, sản xuất cầm chừng, cạnh tranh không lành mạnh, bán phá giá v.v.. gây ra tình trạng giá cả thị trường xi măng trong toàn quốc không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1.
- Tuy nhiên, trong thời gian qua tại khu vực miền Nam, Hà Tiên 1 là thương hiệu xi măng được người tiêu dùng ưa chuộng sử dụng nên tuy trong thời gian khủng hoảng thị trường bất động sản và cạnh tranh gay gắt nhưng Hà Tiên 1 vẫn luôn giữ là thương hiệu mạnh, uy tín được ưu tiên lựa chọn trong khu vực và có những bước tăng trưởng, phát triển vượt bậc.

Rủi ro đặc thù của ngành

- Công nghiệp sản xuất và tiêu thụ xi măng là một ngành có mức độ phụ thuộc vào tình hình của mùa vụ xây dựng. Thông thường trong một năm tình hình tiêu thụ xi măng trong 6 tháng cuối năm có tốc độ tăng trưởng hơn 6 tháng đầu năm. Việc tiêu thụ xi măng hoàn toàn phụ thuộc vào sự biến đổi khí hậu và tiến độ các Công trình xây dựng đặc biệt là ở khu vực Miền Trung.
- Theo dự báo sắp tới sản lượng xi măng sẽ tiếp tục tăng từ việc đầu tư các dự án xi măng mới trên toàn quốc, do đó Hà Tiên 1 sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này. Đồng thời với việc Việt Nam gia nhập WTO, AFTA,... thuế nhập

khẩu giảm chỉ còn từ 0% - 5%, khi đó Hà Tiên 1 sẽ phải đối mặt trực tiếp với sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia khác, gặp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá.

- Giá than, điện, năng lượng, tỷ giá, lãi suất đang trên đà gia tăng so với năm 2016, gây áp lực lớn làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 1.

Rủi ro khác

- Ngoài các rủi ro trên, về dự báo thời tiết không ổn định bị ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... có thể xảy ra và sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn đến hoạt động chung của các Công ty và Hà Tiên 1 nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016, GDP tăng trưởng chậm lại, ngành xi măng Việt Nam tăng trưởng thấp hơn dự báo; việc tiếp nhận gia công, chuyển đổi thương hiệu, hệ thống phân phối Trạm nghiền Hiệp Phước từ Xi măng Hạ Long (Tập đoàn Sông Đà và Dầu khí) sang Xi măng Hà tiên 1 (VICEM) gặp khó khăn và chậm hơn so với kế hoạch, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính của Hà tiên 1 đạt 6.804,4 ngàn tấn, bằng 87,2% mục tiêu; lợi nhuận 1.019 tỷ đồng, vượt 6,48% mục tiêu NQ ĐHCĐ.

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016			Thực hiện năm 2015	% so Thực hiện 2015
			Thực hiện	NQ Đại hội cổ đồng cổ đồng	% thực hiện so NQ ĐHCĐ		
1	Tiêu thụ xi măng	Tấn	6.549.970	7.500.000	-12,67%	5.698.976	14,93%
a.	TTXM trong nước	Tấn	6.295.303	7.200.000	-12,57%	5.441.819	15,68%
b.	XM xuất khẩu	Tấn	254.667	300.000	-15,11%	257.158	-0,97%
2	Tiêu thụ clinker	Tấn	278.389	428.000	-34,96%	448.464	-37,92%
3	Tiêu thụ vữa	Tấn	10.010	12.000	-16,59%	14.450	-30,73%
4	Tiêu thụ gạch	Viên	2.241.865	4.000.000	-43,95%	4.274.506	-47,55%
5	Tiêu thụ cát tiêu chuẩn	Kg	175.106	170.000	3,00%	175.735	-0,36%
6	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.237	9.856	-16,43%	7.608	8,27%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.019	957	6,48%	1.042 (*)	-2,21%

Ghi chú: (*) Lợi nhuận năm 2015 đã bao gồm số liệu hiệu chỉnh theo Yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

a. Tình hình thị trường và tiêu thụ

- Thị trường tiêu thụ xi măng khu vực phía Nam năm 2016 khoảng 20,07 triệu tấn tăng khoảng 7,37%, do ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung và sự khởi sắc của thị trường bất động sản. Trong đó, sản lượng Vicem Hà Tiên tăng 15,7% (không bao gồm lượng xi măng xuất khẩu), cao hơn mức tăng chung của thị trường, thị phần Vicem Hà Tiên đạt 31,36% tăng 2,27% so với năm 2015.
- Hà Tiên 1 xây dựng và thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt, hợp lý, hài hoà giữa các địa bàn đồng thời thực hiện nhiều chương trình khuyến mại trực tiếp đến hệ thống cửa hàng vật liệu xây dựng kích thích sản lượng tiêu thụ, tăng thị phần.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch kết quả hoạt động kinh doanh

- Sản lượng tiêu thụ đạt 6.549 ngàn tấn, giảm 12,67% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, tăng 14,93% so với năm trước liền kề.
- Doanh thu thuần đạt 8.237 tỷ đồng, giảm 16,43% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, tăng 8,27% so với năm trước liền kề.
- Lợi nhuận đạt 1.019 tỷ đồng, tăng 6,48 % so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, giảm 2,21% so với năm trước liền kề.

Nguyên nhân chủ yếu, thực hiện tốt hệ thống phân phối tăng sản lượng tiêu thụ năm 2016 hơn năm trước, tiết kiệm chi phí năng lượng và đồng thời ổn định hoạt động sản xuất và chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa thiết bị, kiểm soát định mức phát huy hiệu quả từ hoạt động tối ưu hóa chi phí sản xuất, đã làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:**a. Thông tin về danh sách Ban điều hành**

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Ông NGUYỄN TUẤN ANH – Tổng Giám Đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-11-1971
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chuyên ngành Vận tải biển
Đại diện phần vốn NN	: 572.400.000 cp, chiếm 15%
Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – Phó TGĐ Cty CP XM Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-02-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ Tài Chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán.
Đại diện phần vốn NN	: 381.600.000 cp, chiếm 10%
Ông NGÔ MINH LĂNG – Phó TGĐ Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 17-08-1957
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư cơ khí
Ông MAI VĂN YÊN – Phó TGĐ Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 10-10-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12

Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá Silicat
Đại diện phần vốn NN	: 381.600.000 cp, chiếm 10%
Ông PHẠM VĂN THÔNG – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1, – Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương	
Năm sinh	: 21-11-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện
Đại diện phần vốn NN	: 381.600.000 cp, chiếm 10%
TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	
Bà LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG – Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	
Năm sinh	: 18-06-1974
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ chuyên ngành kế toán tài chính

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2016 là 2.826 người.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Hoàn thành quyết toán các dự án lớn: Nhà máy xi măng Bình Phước; Dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2; Dự án Trạm nghiền Cam Ranh và Dự án BOT đường nối Nguyễn Cư Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu.
- Thực hiện kế hoạch di dời Trạm nghiền Thủ Đức (TNTĐ) theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu của UBND Thành phố HCM, trong năm 2016 Vicem Hà Tiên đã và đang triển khai một số công việc:
 - Trình Phương án di dời tổng thể cho Ban chỉ đạo di dời TNTĐ, Bộ Xây Dựng, Bộ Tài chính, UBND Tp. HCM xem xét quyết định;
 - Di dời phân xưởng sản xuất vỏ bao về Trạm nghiền Phú Hữu (TNPH): Hoàn thành và đưa vào sản xuất vào cuối năm 2016;
 - Di dời phân xưởng sản xuất cát tiêu chuẩn về Trạm nghiền Long An (TNLA): Hoàn thành và đưa vào sản xuất tháng 04/2017;
 - Xử lý vật tư thiết bị & TSCĐ tại TNTĐ: đang tiến hành các bước xử lý theo trình tự thủ tục quy định quản lý Nhà nước;
 - Triển khai các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án Khu phức hợp thương mại dịch vụ Trường Thọ tại Trạm nghiền Thủ Đức.

- Hà Tiên 1 đã và đang cùng đơn vị tư vấn triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng các dự án phát triển, nâng cao năng lực sản xuất xi măng bao gồm:
 - Dự án nhà máy xi măng Bình Phước – giai đoạn 2;
 - Dự án cải tạo, nâng công suất lò 1 – NMKL;
 - Dự án đầu tư xây dựng 01 dây chuyền nghiền xi măng công suất 1 triệu tấn/năm tại vị trí thích hợp ở Đông Nam Bộ để thay thế các dây chuyền nghiền xi măng tại TNTĐ.
- Kết hợp với các dự án đầu tư mở rộng năng lực sản xuất xi măng nói trên, Hà Tiên 1 cũng đã triển khai xây dựng kho trung chuyển xi măng Hòn Khói – tỉnh Khánh Hòa dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động trong quý 3/2017 để phát triển và tối ưu hóa địa điểm giao hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh, tăng độ phủ thị trường, thực hiện mục tiêu chiến lược về thị phần theo chương trình chung của VICEM.
- Rà soát và triển khai phương án xử lý các nút thắt công nghệ, tối ưu hoá sản xuất, tăng cường nghiên cứu sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng thay thế, tái tạo, tối ưu hóa định mức KTKT, giảm giá thành sản phẩm, thực hiện chiến lược sản xuất xanh, phát triển bền vững doanh nghiệp.
- Hoàn tất thủ tục trình Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp Giấy phép khai thác mở rộng các mỏ tại NMBP, NMKL để đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dây chuyền hiện hữu và khai thác nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu nâng công suất sản xuất khi đầu tư các giai đoạn sau.
- Nghiên cứu, đưa các phương án đầu tư khả thi đối với các hạng mục đổi mới công nghệ, xuất xi măng bành vông nhằm tăng khả năng xuất hàng bằng đường thủy, tăng hiệu quả trong sản xuất, khả năng thu hồi vốn trên dưới 02 năm và đảm bảo môi trường.

Giá trị thực hiện hoàn thành các Dự án năm 2016 :

- Giá trị khối lượng thực hiện : 154,087 tỷ đồng (đạt 41,03%)
- Giá trị thanh toán khối lượng : 124,160 tỷ đồng (đạt 35,57%)

b. Đầu tư các Công ty con và Công ty liên kết khác

Kết quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của các Công ty con và các công ty liên kết trong năm 2016, như sau:

i. Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	937,32	269,9	247%
2	Lợi nhuận sau thuế		5,91	(0,81)	-829%
3	Tổng tài sản		122,94	202,75	-39,36%
4	Vốn chủ sở hữu		42,50	42,50	0%

ii. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	0		
2	Lợi nhuận sau thuế	"-	(1,49)		
3	Tổng tài sản	"-	30,19		
4	Vốn chủ sở hữu	"-	30,00		

iii. Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành :

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	202.88	179.93	12,75%
2	Lợi nhuận sau thuế	"-	21.69	13.23	63,95%
3	Cổ tức	%	9%	9%	0,00%
4	Tổng tài sản	Tỷ đồng	272.13	281.74	-3,41%
5	Vốn chủ sở hữu	"-	194.06	185.64	4,54%

iv. Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi Măng :

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	593.68	565.75	4,94%
2	Lợi nhuận sau thuế	"-	10.16	3.32	205,83%
3	Cổ tức	%	5%	4%	25,00%
4	Tổng tài sản	Tỷ đồng	185.12	158.79	16,58%
5	Vốn chủ sở hữu	"-	119.43	112.51	6,15%

4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 , cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ VNĐ	11.780	11.987	-1,73%
2	Doanh thu Thuần	Tỷ VNĐ	8.237	7.608	8,26%

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so năm 2015
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ VNĐ	975	1.001	-2,62%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ VNĐ	44	42	6,55%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	1.019	1.042 (*)	-2,25%
6	Lợi nhuận sau Thuế	Tỷ VNĐ	809	811	-0,20%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		47% (**)	78%	-39,88%

Ghi chú: () Lợi nhuận năm 2015 đã bao gồm số liệu hiệu chỉnh theo Yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.*

*(**) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính toán dựa trên dự kiến tỷ lệ chi trả Cổ tức bằng tiền mặt dự kiến là: 10% (bằng chữ: mười phần trăm) trên mệnh giá, áp dụng cho tổng số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành.*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	Năm 2016	Năm 2015
1 Chi tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,57	0,45
- Hệ số thanh toán nhanh	0,31	0,25
2 Chi tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,53
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,15	1,60
3 Chi tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	9,24	8,34
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,69	0,62
4 Chi tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,82%	10,65%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,69%	19,74%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,81%	6,58%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,83%	13,15%

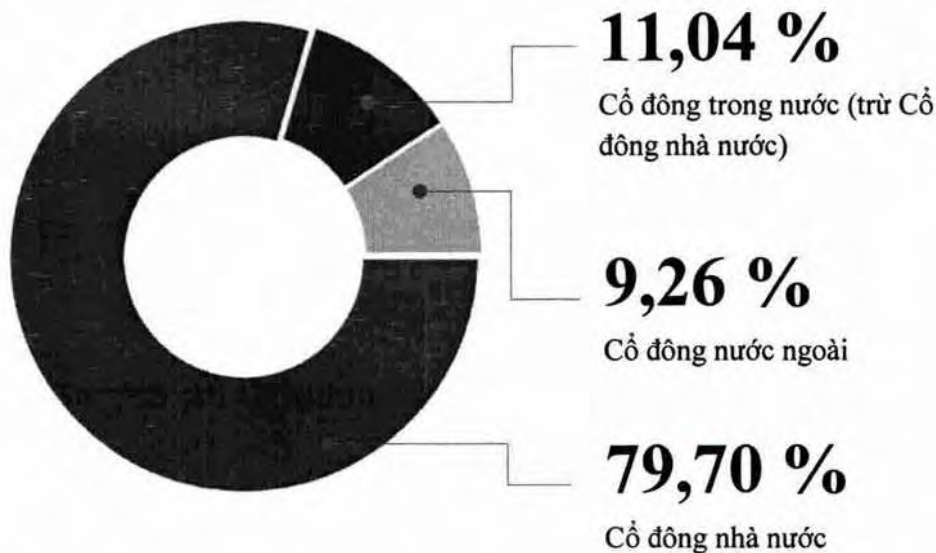
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 381.589.911 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 381.589.911 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 28/03/2017, cơ cấu cổ đông nhà nước và cổ đông khác của Công ty không thay đổi so với năm 2015, cụ thể như sau:



STT	Nội Dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% Vốn điều lệ
1	Cổ phiếu đang lưu hành	3.929	381.541.911	99,99%
2	Cổ phiếu quỹ	1	48.000	0,01%
	Tổng cộng số lượng cổ phiếu (1+2)	3.930	381.589.911	100,00%
	Trong đó, Cổ phiếu đang lưu hành được phân loại như sau:			
	- Cổ đông trong nước	3.780	346.226.681	90,73%
	+ Tổ chức	88	314.097.905	82,31%
	+ Cá nhân	3.692	32.128.776	8,42%
	- Cổ đông nước ngoài	149	35.315.230	9,25%
	+ Tổ chức	72	35.042.849	9,18%
	+ Cá nhân	77	272.381	0,07%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu được trình bày chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính tại trang 31 - 32.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính

TT	Nguyên vật liệu	Đvt	Trong đó xuất cho sản xuất
1	Clinker	Tấn	4.063.400
2	Thạch cao	Tấn	254.587
3	Puzolane	Tấn	758.875
4	Vỏ bao xi măng	Cái	97.038.012
5	Cát	Tấn	110.223
6	Đá vôi	Tấn	6.477.876
7	Đất sét	Tấn	306.593
8	Laterit	Tấn	126.051
9	Giấy Kraft	Tấn	17.699

6.2 Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Lượng điện năng tiêu thụ năm 2016 (kwh):

T	NM/TN	Tổng điện năng tiêu thụ	Điện cho sản xuất	Điện cho phi sản xuất
1	NM Kiên Lương	234.755.853	234.182.913	572.940
2	NM Bình Phước	178.172.600	173.008.122	5.164.478
3	TN Thủ Đức	20.854.601	20.758.018	96.583
4	TN Phú Hữu	60.147.471	59.515.420	632.051
5	TN Long An	22.240.300	22.167.233	73.067
6	TN Cam Ranh	27.356.000	27.277.366	78.634
	Tổng cộng	543.526.825	536.909.072	6.617.753

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến năm 2016:

TT	Tên sáng kiến	Điện năng tiết kiệm được (kwh)
----	---------------	--------------------------------

1	Lắp đặt hệ thống giảm bụi phát tán, hạn chế chạy lọc bụi tại NMBP	14.298
	Tổng cộng	14.298

6.3 Tiêu thụ nước

TT	NM/TN	Tổng nước tiêu thụ (m ³)	Nước tái chế, tái sử dụng (m ³)	Tỷ lệ (%)	Nguồn cung cấp
1	NM Kiên Lương	823.780			Nước bơm từ sông
	Tổng cộng	823.780	-		Nước bơm từ sông
1	NM Bình Phước	651.524	10.950		Công ty cấp nước
2	TN Thủ Đức	63.600	-		Công ty cấp nước
3	TN Phú Hữu	85.110	2.160		Công ty cấp nước
4	TN Long An	26.400	-		Công ty cấp nước
5	TN Cam Ranh	16.693	-		Công ty cấp nước
	Tổng cộng	843.327	13.110	1,55%	Công ty cấp nước

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không VNĐ

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- a. **Số lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**
 - Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2016 là 2.826 người
 - Mức lương trung bình: 14,19 triệu đồng/người/tháng
- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**
 - Quy định chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm bằng hiện vật
 - Quy định thực hiện trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động
 - Quy định công tác quản lý y tế
 - Quy định quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
 - Quy định kiểm tra ATLĐ-VSLĐ-PCCC-BVMT
 - Quy định sử dụng Quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ
- c. **Hoạt động đào tạo người lao động**
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: bình quân khoảng 20,7 giờ/người/năm
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Kỹ năng ảnh hưởng thuyết phục; Nâng tầm lãnh đạo; Tập huấn nghiệp vụ kế toán tài chính; Nâng cao năng lực quản lý công tác đào tạo trong doanh nghiệp; Nâng cao năng lực quản lý cấp trung; Khung năng lực và ứng dụng trong

QL&PTNNL; Lập kế hoạch kinh doanh& ngân sách trong bối cảnh hội nhập;
Giám đốc nhân sự chuyên nghiệp; Huấn luyện Team building, giá trị cuộc
sống; An toàn lao động, môi trường, ISO v.v...

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2016, Công đoàn đã cùng lãnh đạo Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV, duy trì và phát huy hiệu quả phong trào thi đua yêu nước đã đạt được những kết quả khả quan so với năm 2015.

Song song các hoạt động chính trị và phong trào văn thể mỹ cho CBCNV Công ty, hoạt động xã hội-từ thiện, hỗ trợ cộng đồng cũng được Công ty quan tâm thực hiện từ nhiều nguồn đóng góp. Các chương trình như: Phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây dựng trường cho các cháu ở vùng xa và các chương trình xã hội từ thiện của Vicem và của địa phương có chi nhánh Công ty trú đóng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

a. Tổng quan môi trường kinh doanh

- Năm 2016, tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo; giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá đầu thô ở mức thấp, biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự báo, thiên tai và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta. Tăng trưởng GDP nước ta ước đạt mức 6,21%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra (6,7%). Tuy vậy, với sự điều hành sát sao của Chính phủ và quyết tâm của các Bộ, ngành, nền kinh tế vẫn tiếp tục chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển; tái cơ cấu nền kinh tế đạt một số kết quả; đầu tư khu vực tư nhân chuyển biến mạnh mẽ; niềm tin của xã hội và thị trường tăng lên.
- Thị trường tài chính - tiền tệ năm 2016 với những quyết sách lớn của NHNN 2016 có thể coi là một năm khá thành công của ngành ngân hàng khi chính sách tiền tệ có nhiều đổi mới như áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm linh hoạt giúp tỷ giá có một năm tương đối ổn định, hạn chế ảnh hưởng của các cú sốc lớn bên ngoài, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế.
- Cùng với đà phục hồi của thị trường Bất động sản (BDS), hàng loạt dự án BDS đang được triển khai xây dựng, tổng sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2016 đạt 76,86 triệu tấn, tăng 5% so với 2015, đạt 100% so với kế hoạch; trong đó tiêu thụ nội địa đạt gần 59,79 triệu tấn xi măng (tăng hơn 10% so với 2015).
- Trong năm 2016, Vicem Hà Tiên đã triển khai nhiều biện pháp thiết thực có tính chất chiến lược trong tất cả các khâu từ sản xuất, tiêu thụ và quản trị để đạt được hiệu quả sản xuất

b. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

Theo số thực hiện năm 2016 nêu trên, tổng doanh thu **tăng 8,27%**, lợi nhuận trước thuế **giảm là -2,21%** so với năm 2015 (trong đó, Lợi nhuận năm 2015 đã bao gồm số liệu hiệu chỉnh theo số liệu điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước). Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là giá than nguyên liệu nhập khẩu giảm mạnh đã đóng góp chính vào sự **tăng trưởng lợi nhuận giảm nhẹ hơn so với cùng kỳ**.

TT	Chi tiêu	Đvt	Năm 2016			Năm 2015	% năm 2016 so năm 2015
			Thực hiện	Nghị Quyết ĐHCĐ	(+/-) % thực hiện so NQ		
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.237	9.856	-16,43%	7.608	8,27%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.019	957	6,48%	1.042 (*)	-2,21%
3	Tỷ lệ chi trả Cổ tức	%	10% (**)	-	-	20%	-50%

Ghi chú: (*) Lợi nhuận năm 2015 đã bao gồm số liệu hiệu chỉnh theo Yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

(**) Tỷ lệ chi trả Cổ tức bằng tiền mặt dự kiến 10% (bằng chữ: mười phần trăm) trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

2. Tình hình tài chính năm 2016:

a. Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
I. Tài Sản Ngắn Hạn	1.760,14	1.386,74	26,9%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	486,09	345,52	40,7%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7,41	7,19	3,0%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	455,10	387,10	17,6%
4. Hàng tồn kho	797,40	633,39	25,9%
5. Tài sản ngắn hạn khác	14,15	13,55	4,5%
II. Tài Sản Dài Hạn	10.020,00	10.600,74	-5,5%
1. Các khoản phải thu dài hạn	11,82	10,62	11,3%
2. Tài sản cố định	8.627,00	9.247,73	-6,7%
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53,38	41,11	29,9%
4. Tài sản dở dang dài hạn	1.116,16	1.013,38	10,1%
5. Tài sản dài hạn khác	211,63	287,90	-26,5%
Tổng Cộng Tài Sản	11.780,14	11.987,49	-1,7%

b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: tỷ đồng

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	% năm 2016 so với năm 2015
I. Nợ Phải Trả	6.585,58	7.489,06	-12,06%
1. Nợ ngắn hạn	3.064,98	3.066,15	-0,04%
2. Nợ dài hạn	3.520,61	4.422,91	-20,40%
II. Vốn Chủ Sở Hữu	5.194,56	4.498,43	15,47%
Tổng Cộng Nguồn Vốn	11.780,14	11.987,49	-1,73%

Ghi chú:

- Tình hình nợ hiện tại:
 - Nợ vay ngắn hạn: chi tiết nêu tại mục 19 – thuyết minh báo cáo tài chính
 - Nợ vay dài hạn: chi tiết nêu tại mục 19 – thuyết minh báo cáo tài chính
 - Nợ phải trả xấu: Công ty không có nợ phải trả xấu.
- Về Tài sản, tổng tài sản năm 2016 giảm 1,7% so với năm 2015, chủ yếu do tài sản dài hạn giảm 5.5%.
- Về nguồn vốn, tổng nguồn vốn năm 2016 giảm 1.7% so với năm 2015, chủ yếu do Nợ dài hạn giảm 20.4%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị

- Xét tình hình thực tế và chính sách quy hoạch cán bộ, năm 2016 Hà Tiên 1 đã tiến hành bổ nhiệm 28 CBCNV thuộc các phòng/ban, đơn vị khác nhau, thực hiện điều động 155 CBCNV, điều động và bổ nhiệm 11 CBCNV, tuyển dụng 82 lao động trong toàn Công ty.
 - Tổ chức các đợt đào tạo và đào tạo lại, trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho CNKT nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác, kết quả năm 2016 tổ chức 265 lớp đào tạo cho khoảng 8.016 lượt người lao động.
 - Về tiền lương và thu nhập của người lao động: tiếp tục trả lương theo chức danh công việc và hỗ trợ các khoản phụ cấp, tiền cơm ca theo quy định.
 - Phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thành chương trình tái cơ cấu tổ chức toàn Công ty theo 5 công đoạn & 7 phân đoạn, kèm chức năng nhiệm vụ;
 - Hoàn tất phương án di dời Trạm nghiên Thủ Đức; sắp xếp bố trí lại lao động và giải quyết chế độ chính sách cho người lao động;
- 4. Vicem Hà Tiên cam kết phát triển xanh và bền vững bằng các phương pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất với mục tiêu luôn hướng về cộng đồng.**
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo.
 - Sản xuất xanh, sạch giảm phát thải CO2 ra môi trường.
 - Bảo đảm An toàn - Vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường
 - Không có trường hợp TNLD nghiêm trọng nào xảy ra.
 - Thực hiện và đảm bảo môi trường, không vi phạm ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng cộng đồng dân cư địa phương đối với các chi nhánh sản xuất đóng tại địa bàn.
 - Không có sự cố môi trường và không bị cơ quan quản lý môi trường phạt vi phạm về môi trường.
 - Tổ chức khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ theo đúng quy định pháp luật.
 - Năm 2016, Hà Tiên 1 vinh dự là 1 trong 2 Doanh nghiệp của Việt Nam được trao giải thưởng ASEAN-OSHNET do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và Ban điều phối Mạng An toàn, vệ sinh lao động ASEAN dành cho Doanh nghiệp điển hình tốt về ATVSLĐ của 10 nước ASEAN.
- 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**
- Vicem Hà tiên đặt mục tiêu đến 2020 chiếm 43% thị phần, sản lượng 13 triệu tấn, tăng 2 lần so với năm 2016. Tầm nhìn đến 2030, Vicem Hà tiên đặt mục tiêu tiêu thụ 26 triệu tấn, tăng 02 lần so với năm 2020, giữ vị thế hàng đầu trong ngành xi

măng tại thị trường Đông Dương, thị phần chiếm giữ từ 35 – 47% tại các thị trường cốt lõi.

- Để thực hiện mục tiêu dài hạn nêu trên, Vicem Hà Tiên triển khai chương trình đầu tư xây dựng tăng năng lực sản xuất, tìm cơ hội mua bán, sáp nhập (M&A) một số doanh nghiệp xi măng thích hợp tại khu vực thị trường miền Nam kịp thời bổ sung năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dự kiến sẽ tăng trưởng lâu dài, ổn định trong giai đoạn này và sau đó.
- Các dự án, chương trình đầu tư trọng điểm thuộc kế hoạch ĐTXD 2017-2022:
 - Phương án di dời TNTĐ:
 - ✓ Tìm kiếm vị trí thích hợp tại Đông Nam Bộ đầu tư 01 dây chuyền nghiền 1.000.000 tấn/năm để thay thế công suất TNTĐ.
 - ✓ Dự án đầu tư khu TM-DV phức hợp Trường Thọ tại vị trí mặt bằng TNTĐ tạo lập nguồn vốn hỗ trợ di dời TNTĐ.
 - Dự án nhà máy xi măng Bình Phước – giai đoạn 2.
 - Dự án cải tạo lò 1 – NMKL .

PHẦN 2: KẾ HOẠCH NĂM 2017

1. Kế hoạch năm 2017

a. Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017

- Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2017 với những mục tiêu như: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cần đạt 6,7%; tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6 - 7%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 3,5%; tỷ lệ bội chi NSNN so với GDP không quá 3,5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31,5% GDP; tỷ suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị GDP giảm 1,5%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.....
- Nhận định về tình hình phát triển kinh tế Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (WB) khẳng định triển vọng trung hạn kinh tế Việt Nam sẽ ứng phó tốt trước những biến động của môi trường kinh tế bên ngoài. Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là sáng sủa và lạm phát sẽ ở mức thấp.
- Dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng cả nước năm 2017 đạt khoảng 80 triệu tấn, tăng 6% so với năm 2016. Tỷ lệ tiêu thụ nội địa năm tới dự báo tăng lên mức 60 - 65 triệu tấn, trong khi lượng xuất khẩu giảm xuống 14 - 15 triệu tấn. Mặc dù sản lượng tiêu thụ xi măng dự báo trong năm 2017 tăng so với năm 2016 nhưng theo Bộ Xây Dựng một số nhà máy xi măng trên cả nước vẫn không thể hoạt động hết công suất vì cầu trên thị trường không theo được cung.

b. Mục tiêu năm 2017

- Trước những khó khăn và thách thức của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng như trên, Vicem Hà Tiên đã đề ra các mục tiêu phấn đấu năm 2017, như sau:

i. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm

	Chi danh	ĐVT	Mục tiêu năm 2017	Thực hiện 2016	% mục tiêu so năm 2016
I	TIÊU THỤ XI MĂNG	Tấn	8.000.000	6.549.970	22,14%
1	Tiêu thụ nội địa	"	7.670.000	6.295.303	21,84%
2	Xuất khẩu	"	330.000	254.667	29,58%
II	TIÊU THỤ CLINKER	Tấn	392.000	278.389	40,81%
III	TIÊU THỤ SP KHÁC				
1	Gạch không nung	Viên	1.800.000	4.274.506	-57,89%
2	Cát tiêu chuẩn	Kg	155.000	175.735	-11,80%

ii. Các mục tiêu tài chính:

Năm 2017, Vicem Hà Tiên tiếp tục cải thiện tình hình tài chính, bảo đảm không có nợ phải trả xấu, an toàn tài chính, bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động, với mục tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, như sau:

TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2017	Thực hiện 2016	% so năm 2016	Thực hiện 2015	% so năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.116	8.237	22,81%	7.608	32,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	797	1.019	-21,79%	1.042 (*)	-23,51%
3	Tỷ lệ chi trả Cổ tức	%	-	10% (**)	-	20%	50%

Ghi chú: (*) Lợi nhuận năm 2015 đã bao gồm số liệu hiệu chỉnh theo Yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

(**) Tỷ lệ chi trả Cổ tức bằng tiền mặt dự kiến 10% (bằng chữ: mười phần trăm) trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

iii. Công tác tổ chức lao động:

- Tiếp tục tổ chức đào tạo theo quy hoạch và đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác trên cơ sở kết quả chương trình đánh giá theo khung năng lực chuẩn.
- Rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định của Công ty và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo cơ cấu tổ chức mới của Vicem phê duyệt và đã đi vào hoạt động.
- Đưa Hệ thống thang bảng lương và phân phối thu nhập mới vào áp dụng;
- Ban hành Phương án Cơ cấu tổ chức (CCTC) chi tiết, Chức năng nhiệm vụ (CNNV), Mô tả công việc (MTCV) theo mô hình 05 công đoạn 07 phân đoạn.
- Hoàn tất công tác chỉnh lý hồ sơ giai đoạn 1 & giai đoạn 2 tại các đơn vị còn lại trong Công ty.
- Ổn định thu nhập bình quân người lao động.

iv. Các mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Giá trị Ngân sách Đầu tư XDCB kế hoạch trong năm 2017, cụ thể :
 - Khối lượng thực hiện là 460,614 tỷ đồng, trong đó: Xây dựng là 132,862 tỷ đồng, Thiết bị là 98,651 tỷ đồng, khác là 229,100 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn thanh toán trong năm là: 524,726 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn tự có là 389,652 tỷ đồng, vốn vay là 135,074 tỷ đồng.
- Hoàn tất việc trình duyệt Phương án di dời TNTĐ, triển khai đầu tư xây dựng 01 dây chuyền nghiền 1.000.000 tấn/năm tại vị trí phù hợp với Quy hoạch phát triển xi măng để thay thế công suất TNTĐ; Hoàn thành quy hoạch 1/500, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, triển khai dự án đầu tư khu TM-DV phức hợp Trường Thọ tại vị trí mặt bằng TNTĐ tạo lập nguồn vốn hỗ trợ di dời TNTĐ.
- Triển khai thực hiện Dự án cải tạo nâng công suất xuất thủy và xuất xi măng bành vông tại TNPH, NMKL; Cải tạo nâng công suất cảng nhập nguyên vật liệu TNLA.

- Triển khai chương trình, dự án xử lý các nút thắt công nghệ, tối ưu hoá sản xuất, đảm bảo bảo kế hoạch phát triển SXKD 2017-2020.
- Hoàn thành di dời PX gạch Bình Triệu về TNLA.
- Hoàn thành đầu tư xây dựng kho trung chuyển xi măng Hòn Khói đưa vào hoạt động khai thác trong Q.3/2017.
- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư triển khai các dự án chiến lược:
 - Dự án nhà máy xi măng Bình Phước – giai đoạn 2.
 - Dự án cải tạo lò 1 – NMKL.

v. Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản:

- Hoàn thành các thủ tục cấp giấy sở hữu tài sản, công trình gắn liền với đất.
- Thực hiện hoàn thành khu phức hợp Trường Thọ giai đoạn 1, chuẩn bị điều kiện thực hiện giai đoạn 2.
- Hoàn thành chuyển nhượng liên kết, liên doanh các khu đất còn lại theo định hướng HDQT.

2. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2017

a. Công tác tiêu thụ:

- Định vị giá sản phẩm cho từng phân khúc thị trường để tăng lợi thế cạnh tranh với mỗi đối thủ cụ thể ở từng khu vực thị trường, từ đó có chính sách bán hàng phù hợp: xác định đối thủ cạnh tranh tại từng thị trường, xây dựng giá bán cho từng loại sản phẩm cho từng thị trường khác nhau, Chính sách bán hàng (CSBH) bám sát đối thủ cạnh tranh để giữ vững thị phần xi măng bao dân dụng tại thị trường cốt lõi Vicem Hà Tiên, phối hợp Nhà phân phối (NPP) phát triển các thị trường Vicem Hà Tiên còn yếu, điều chỉnh chính sách giá tại các thị trường trọng điểm, chuẩn bị điều kiện để mở rộng thực hiện chương trình thống nhất thương hiệu VICEM trên các khu vực thị trường.
- Cải tiến và hoàn thiện kênh phân phối và chiến lược bán hàng để chiếm lĩnh thị phần XM bao trong phân khúc công trình.
- Xây dựng chương trình giá trị gia tăng để duy trì và tạo giá trị, đẳng cấp của NPP Vicem Hà Tiên thông qua chương trình “Lớn mạnh do bạn và vì bạn” (LMDB&VB).
- Chương trình marketing để người tiêu dùng cảm nhận sản phẩm của Vicem Hà Tiên “tốt cho cả đổ móng, bê tông và xây tô”.
- Điều chỉnh kênh phân phối để tăng thị phần tại khu vực Vicem Hà Tiên còn yếu và thực hiện phân chia hệ thống CH VLXD để ổn định kênh phân phối.
- Cân đối nguồn cung sản phẩm để đưa hàng về các thị trường căn cứ theo điều kiện xuất hàng.
- Ổn định màu sắc, chất lượng XM để giữ được điểm mạnh truyền thống của Hà Tiên và cạnh tranh với các xi măng phía Bắc tại Miền Trung.

- Phát triển kênh phân phối và tập trung dịch vụ sau bán hàng cho NPP, khách hàng XM rời.
- Mở rộng thị trường Campuchia và phát triển thị trường xuất khẩu mới như Philipine, Úc, Nam Thái Bình Dương.

b. Công tác sản xuất:

- Duy trì dây chuyền thiết bị hoạt động ổn định với năng suất cao; chất lượng Clinker ổn định; giảm tiêu hao nhiệt, điện năng trên tấn sản phẩm; tăng tỷ lệ xi sử dụng trong xi măng để giảm định mức Clinker trong xi măng và tăng cường kiểm soát chất lượng các phụ gia trong sản xuất xi măng như thạch cao, puzolan, đá vôi, xi ...
- Các giải pháp ổn định chất lượng xi măng:
 - Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào.
 - Tăng cường giám sát quá trình vận hành, đảm bảo sản xuất ổn định nhằm hạn chế biến động chất lượng.
 - Thường xuyên kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống cân định lượng.
 - Trong quá trình sản xuất, tiến hành lấy mẫu, kiểm tra thử nghiệm theo đúng quy trình để điều chỉnh đơn phối liệu kịp thời.
 - Định kỳ tiến hành kiểm định, kiểm tra đối chứng các thiết bị thử nghiệm nội bộ và bên ngoài.
 - Tiến hành so sánh liên phòng định kỳ nhằm hạn chế sai số giữa các phòng thí nghiệm.
- Theo dõi chặt chẽ chất lượng xi măng xuất hàng, đồng thời căn cứ kết quả thử nghiệm của trung tâm bê tông và phối hợp với các trạm trộn bê tông khác, kịp thời điều chỉnh chất lượng xi măng, giúp ổn định tính công tác bê tông cho các trạm trộn.
- Rà soát, xử lý các nút thắt công nghệ, tối ưu hóa sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật, giảm giá thành sản phẩm tăng năng lực cạnh tranh.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng thay thế, tái tạo, sản xuất xanh, sạch, an toàn, thân thiện môi trường, phát triển bền vững.

c. Công tác đầu tư xây dựng:

- Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy QLDA theo 3 cấp: Cấp Quản lý kế hoạch - chiến lược về ĐTXD; Cấp quản lý chuyên trách tập trung về dự án ĐTXD; Cấp cơ sở ở các NM, TN, XN.
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý dự án ĐTXD và các quy chế khác có liên quan đến công tác ĐTXD hiện hành theo các quy định pháp luật và chuẩn mực mới về đầu tư xây dựng, tăng phân cấp quản lý ĐTXD cho các NM, TN.
- Cân đối nguồn lực tài chính 2017 – 2022, tăng cường tích tụ vốn, sử dụng sức mạnh tổng hợp của VICEM, các kênh huy động, đảm bảo nguồn vốn cho SXKD và cho đầu tư phát triển.

d. Trách nhiệm với xã hội, môi trường, bảo đảm môi trường xanh:

- Duy trì và cải tiến HTQL Năng lượng theo ISO 50001:2011 và HTQL an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001:2007. Chuyển đổi thành công HTQL chất lượng theo phiên bản ISO 9001:2015 cho toàn Công ty và HTQL Môi trường theo ISO 14001:2015 cho 05 Chi nhánh sản xuất vào 2017.
- Phối hợp với các chi nhánh hợp quy Clinker thương phẩm, các chủng loại xi măng và gạch bê tông theo QC 16:2014/BXD.
- Phối hợp hỗ trợ kỹ thuật trong việc lắp đặt và đưa vào vận hành Hệ thống quan trắc môi trường liên tục tự động CEMs cho 05 Chi nhánh sản xuất.
- Tư vấn kỹ thuật liên quan đến môi trường cho các dự án tại các chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Thực hiện kế hoạch hành động không để xảy ra TNLĐ nặng, sự cố an toàn môi trường nghiêm trọng trong hoạt động sản xuất của Công ty.
- Tổ chức & giám sát tốt công tác hưởng ứng tháng hành động về ATVSLĐ lần 1 năm 2017. Phối hợp với Công đoàn Công ty và Cục ATLĐ tổ chức thành công hội thi An toàn cấp Công ty.

e. Công tác khác:

- Cải tiến các hoạt động khác trong lãnh vực quản lý và điều hành với các ứng dụng mới của công nghệ thông tin ("CNTT"), tạo thuận lợi cho các nhà phân phối và thuận lợi trong quản lý, điều hành và chuẩn xác trong các báo cáo của Công ty.
- Tiếp tục hiệu chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng CNTT đã đưa vào sử dụng phù hợp với thay đổi về tổ chức và nghiệp vụ liên quan tại Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về cơ cấu của HĐQT:

Hiện nay, HĐQT gồm 9 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, chiếm trên 33% trong cơ cấu HĐQT Công ty.
- 02 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành Công ty.
- 04 thành viên còn lại đều trực tiếp trong Ban điều hành Công ty.
- Tất cả 09 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.
- Cơ cấu HĐQT hiện nay là phù hợp và thuận tiện cho việc điều hành Công ty.

2. Về kỹ năng của HĐQT:

- Tất cả các thành viên HĐQT đều là những Nhà lãnh đạo cấp cao của Tổng Công ty hoặc các Công ty, là những Người có đạo đức tốt, sức khỏe đảm bảo, có bề dày kinh nghiệm trong lãnh đạo Doanh nghiệp. Đặc biệt HĐQT là một tập thể có trình độ quản lý và chuyên môn giỏi trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư, tài chính, vận tải...
- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đã đề ra các quyết định kịp thời trong năm 2016, tạo điều kiện cho Công ty hoạt động hiệu quả trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn bị tác động mạnh từ sự suy giảm kinh tế và khủng hoảng tài chính toàn cầu. Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2016 của Công ty đã đạt kết quả rất tốt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

3. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:

- HĐQT luôn tạo được sự gắn kết cùng nhau, đoàn kết một lòng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích cổ đông, vì sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.
- Tất cả các chỉ đạo, điều hành của HĐQT đều được thực hiện theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty, đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

4. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2017:

- Đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng điều lệ hoạt động, đúng nghị quyết của ĐHCĐ Công ty và đúng với các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Duy trì các chương trình họp HĐQT mỗi quý một lần để đề ra những quyết sách lớn nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu do ĐHCĐ đề ra.
- Tiếp tục tạo môi trường tốt cho hoạt động của Công ty.
- Chú trọng các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, đầu tư; Đẩy mạnh công tác xuất khẩu.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị

a. Thông tin về danh sách Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông TRẦN VIỆT THẮNG – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	
Năm sinh	: 29-02-1968
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế
Ông NGUYỄN NGỌC ANH – Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	
Năm sinh	: 02-08-1953
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ Sư Hoá Silicat, Kỹ sư điện tử
Ông NGUYỄN TUẤN ANH – TV HĐQT – TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-11-1971
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chuyên ngành Vận tải biển
Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – TV HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-02-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ Tài chính- ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán
Ông CÁI HỒNG THU – TV Hội Đồng Quản Trị	
Năm sinh	: 02-08-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá
Ông MAI VĂN YÊN – TV HĐQT (từ ngày 23/4/2015) - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 10-10-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá Silicat

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông PHẠM VĂN THÔNG – TV HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương.	
Năm sinh	: 21-12-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện
Ông NGUYỄN VĂN CHUYỀN – TV Hội Đồng Quản Trị	
Năm sinh	: 18-08-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kinh doanh khai thác vận tải biển
Ông TÔ HẢI – TV Hội Đồng Quản Trị	
Năm sinh	: 01-12-1973
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

b. Các phiên họp của HĐQT

Từ sau Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đến nay HĐQT đã tiến hành họp 04 phiên:

I. Phiên họp lần thứ ba mươi mốt:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 13/05/2016.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 9/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD Quý 1 và dự báo Quý 2 năm 2016.
 - Thị trường và Tiêu thụ Quý 1; 5 tháng và dự báo 6 tháng đầu năm 2016.
 - Hoạt động SX; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Các định mức tiêu hao tại các cơ sở SX của Công ty Quý 1 năm 2016.
 - Tình hình hoạt động của các thiết bị chính; Công tác bảo trì, bảo dưỡng và đại tu đã thực hiện trong quý 1 và dự kiến thực hiện trong quý 2 năm 2016.
 - Công tác quản lý Chuỗi cung ứng ở các Trạm và Nhà máy thuộc Công ty Quý 1 và 5 tháng đầu năm 2016.
 - Báo cáo kiểm toán năm 2015 của Công ty.
2. Công tác Quản lý và XD CB
 - Cập nhật tình hình di dời Trạm nghiền Thủ Đức và tiến trình thành lập Công ty CP BĐS Trường Thọ.

- Cập nhật tiến độ xây dựng chức năng Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Cập nhật tình hình thực hiện thuê gia công tại Trạm nghiên Hạ Long.
- Công tác triển khai thực hiện các Dự án đầu tư XDCB đã được HĐQT thông qua năm 2016.

II. Phiên họp lần thứ ba mươi hai

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 27/08/2016.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 6/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD Quý 2; 8 tháng đầu năm và dự báo Quý 3 năm 2016.
 - Thị trường và Tiêu thụ Quý 2; 8 tháng đầu năm 2016.
 - Hoạt động SX; Chất lượng SP Clinker và XM các loại sản xuất tại Công ty; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Việc thực hiện định mức tiêu hao tại các cơ sở SX của Công ty 8 tháng đầu năm 2016.
 - Công tác quản lý Chuỗi cung ứng ở các Trạm và Nhà máy thuộc Công ty 8 tháng đầu năm 2016.
 - Tình hình chuẩn bị sửa chữa lớn và thay thế bộ đồ Lò số 2 của Nhà máy XMBP, bao gồm tiến độ, vật tư, công tác pháp lý, chuyên gia và Tổng dự toán.
 - Dự báo tình hình SX - KD quý 3/2016; Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và dự báo 8 tháng đầu năm 2016.
2. Công tác quản lý và XDCB
 - Các kết luận thanh tra BXD và Kiểm toán Nhà nước năm 2016 đối với Công ty.
 - Những việc liên quan đến di dời Trạm nghiên Thủ Đức.
 - Công tác triển khai XDCB và chuẩn bị XDCB tại Nhà máy XMKL cho đến nay.
 - Công tác chuẩn bị triển khai ĐTXD tại các địa điểm khác của Công ty.

III. Phiên họp lần thứ ba mươi ba:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 25/11/2016.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD Quý 3 và dự báo cả năm 2016.
 - Thị trường và Tiêu thụ Quý 3; 10 tháng đầu năm và dự báo cả năm 2016.

- Hoạt động SX; Chất lượng, độ ổn định SP Clinker và XM các loại sản xuất tại Công ty; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật đặc trưng; Tiêu hao thực tế tại các cơ sở SX của Cty 10 tháng đầu năm 2016.
- Hoạt động của các thiết bị chính; Công tác bảo trì, bảo dưỡng và đại tu đã thực hiện tại các cơ sở SX của Công Ty.
- Dự toán và tiến độ thực hiện thay thế, hoàn thiện Bandage số 2 Lò NMBP.
- Công tác Chuỗi cung ứng cho các Trạm và Nhà máy thuộc Công ty 10 tháng đầu năm 2016.
- Dự báo kết quả SX - KD quý 4 và cả năm 2016.

2. Công tác Quản lý và XD CB

- Tiến độ và cập nhật việc di dời Trạm nghiền Thủ Đức.
- Các chỉ số định hướng xây dựng Ngân sách năm 2017 (Sản lượng tiêu thụ; EBITDA; EBIT; Chi phí quản lý/Doanh thu; Chi phí bán hàng/Doanh thu; Chi chí sửa chữa/Doanh thu; Biến động tỷ giá dự kiến; Thời gian huy động SX/ Tổng thời gian; Định mức Kinh tế-Kỹ thuật; Quy định chất lượng; v.v...).
- Chương trình và Nội dung dự kiến Kiểm toán giám sát nội bộ cho năm 2017.

3. Các công việc khác có liên quan

- Cập nhật tình hình mua - bán Công ty Holcim Việt Nam.
- Cập nhật tình hình biến động giá cổ phiếu sau khi chia cổ tức.

IV. Phiên họp lần thứ ba mươi bốn:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 11/03/2017.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 8/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD năm 2016 và dự báo Quý 1 năm 2017.

- Thị trường và Tiêu thụ năm 2016; Dự báo tình hình SX-KD Quý 1/ 2017.
- Hoạt động quản lý SX nổi bật; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Tình hình thực hiện các định mức Kinh tế - Kỹ thuật tại các cơ sở SX của Công ty năm 2016.
- Công tác quản lý Chuỗi cung ứng ở các Trạm và Nhà máy thuộc Công ty năm 2016
- Báo cáo Tài chính năm 2016 của Công ty.
- Ngân sách năm 2017.
- Chương trình kiểm toán nội bộ năm 2017 và mục tiêu kiểm toán Quý 1/ 2017.

2. Chiến lược phát triển SX đến 2030 và đầu tư XD CB năm 2017

- Các cân đối Cung-Cầu thị trường; Phân đoạn đầu tư và phân bổ tài chính mục tiêu.

- Định hướng phân bổ đầu tư năng lực SX toàn khu vực trong dài hạn.
 - Các dự án, chương trình đầu tư XDCB khôi phục và nâng cao năng lực SX trong năm 2017.
3. Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Kế hoạch đại hội: Thời gian, địa điểm, chốt cổ đông và công tác chuẩn bị, phục vụ.
 - Nội dung và chương trình đại hội.
 - Dự kiến phân công giải đáp tại đại hội.

c. Các nghị quyết và quy chế đã phê duyệt của HĐQT

+ Các quy chế đã thông qua và ban hành:

Tất cả các thành viên HĐQT CTy CP Xi măng Hà Tiên 1 đã chuẩn thuận phê duyệt ban hành và ban hành lại tổng cộng 05 Quy chế, cụ thể:

Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
03/05/2016/NQ-HĐQT	17-05-2016	Quy chế kiểm toán nội bộ áp dụng tại Công ty CP xi măng Hà Tiên 1
01/09/2016/NQ-HĐQT	01-09-2016	Sửa đổi và bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ thuê ngoài
05/11/2016/NQ-HĐQT	10-11-2016	Sửa đổi và bổ sung Quy chế trách nhiệm ATLĐ-VSLĐ tại Công ty CP xi măng Hà Tiên 1
07/11/2016/NQ-HĐQT	16-11-2016	Quy chế hoạt động giữa Đảng ủy Công ty với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Tổ chức đoàn thể trong Công ty CP xi măng Hà Tiên 1
13/11/2016/NQ-HĐQT	30-11-2016	Sửa đổi và bổ sung Quy chế tài chính.

+ Các Nghị quyết:

Tất cả các thành viên HĐQT đã thông qua tổng cộng 71 Nghị quyết, trong đó có 4 Nghị quyết hợp chính phiên và 67 Nghị quyết luân chuyển, chi tiết được ghi trong phụ lục đính kèm.

2. Ban Kiểm Soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT	
Ông PHẠM ĐỨC TRUNG – Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 02-05-1968
Trình độ văn hoá	: 12/12

Trình độ học vấn	: Cử nhân Kinh tế
Ông PHẠM THẾ NGHĨA – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 1976
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh
Bà TRẦN THỊ BÍCH THÚY – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 27-09-1978
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh
Bà NGUYỄN THỊ TỐ NGA – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 27-09-1976
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Chứng chỉ Kế toán tài chính
Bà PHÙNG THỊ TÂN THANH – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 1981
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sĩ Kinh tế phát triển

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các công tác đã thực hiện năm 2016

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty khi được mời;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong năm, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành;
 - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với HĐQT và Ban Điều hành;
 - Thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2016 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo

tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
 - Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

i. Khoản thù lao trách nhiệm cho Hội đồng quản trị:

- Tổng khoản thù lao trách nhiệm cho HĐQT: 468.000.000 đồng/năm

Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000đ/tháng 72.000.000đ/năm
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 5.000.000/tháng 60.000.000 đ/năm
- 7 thành viên Hội đồng Quản trị : 4.000.000 đ/tháng 372.000.000 đ/năm

ii. Khoản thù lao trách nhiệm cho Ban kiểm soát:

- Khoản thù lao trách nhiệm cho Ban kiểm soát 192.000.000đ/năm

Trong đó:

- Trưởng ban Kiểm soát: 4.000.000đ/tháng 48.000.000 đ/năm
- 4 thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000đ/tháng 144.000.000 đ/năm

iii. Khoản thù lao trách nhiệm cho Thư ký Công ty:

- Tổng chi trả trong năm 2016: 3.000.000đ/tháng 36.000.000đ/năm

b. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ Phiếu	Tỷ lệ	Số cổ Phiếu	Tỷ lệ	

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ	Tỷ lệ	Số cổ	Tỷ lệ	
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Vợ Ông Nguyễn Văn Chuyên- TV HĐQT	400.000	0,126%	0	0%	Bán
02	Ông Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	630.835	0,198%	420.000	0,110%	Mua 350.000 và Bán 630.835 cp
03	Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	23.890	0,0075%	2.268	0,00059%	Bán 22.000 cp
04	Bà Dương Thu Hà	Vợ Ông Phạm Đình Nhật Cường- TV HĐQT	23.000	0,0075%	0		Bán 23.000 cp

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 43

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014
Ngày 8 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đã được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chuyền	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông Mai Văn Yên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Trung	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Tân Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Minh Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thông	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tuấn Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60933836/18590778

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.760.144.514.742	1.386.744.285.269
110	I. Tiền	4	486.088.026.256	345.519.758.971
111	1. Tiền		486.088.026.256	345.519.758.971
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.406.277.600	7.188.937.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	10.776.291.414	10.776.291.414
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(3.370.013.814)	(3.587.354.414)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		455.101.314.609	387.099.641.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	409.404.724.630	323.667.195.426
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	24.946.110.660	40.381.795.015
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.867.036.426	25.812.310.436
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.656.659.300)	(2.761.659.300)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.540.102.193	-
140	IV. Hàng tồn kho		797.397.607.075	633.390.771.794
141	1. Hàng tồn kho	8	828.231.955.979	668.160.377.458
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(30.834.348.904)	(34.769.605.664)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.151.289.202	13.545.175.927
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	4.827.318.285	2.901.169.956
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.323.970.917	9.366.324.221
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.277.681.750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.019.996.994.991	10.600.742.784.666
210	I. Phải thu dài hạn		11.818.942.773	10.617.995.037
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	11.818.942.773	10.617.995.037
220	II. Tài sản cố định		8.627.004.921.737	9.247.731.952.397
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.517.674.270.446	9.142.619.274.892
222	Nguyên giá		13.671.017.588.021	13.811.350.540.176
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.153.343.317.575)	(4.668.731.265.284)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	109.330.651.291	105.112.677.505
228	Nguyên giá		128.887.414.310	121.294.723.910
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.556.763.019)	(16.182.046.405)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.116.159.605.093	1.013.379.529.915
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.116.159.605.093	1.013.379.529.915
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	53.384.000.000	41.112.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		23.970.000.000	10.200.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	56.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(26.586.000.000)	(25.088.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		211.629.525.388	287.901.307.317
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	95.597.815.057	101.215.174.339
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	7.122.164.945	8.898.572.672
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		108.909.545.386	177.787.560.306
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.780.141.509.733	11.987.487.069.935

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.585.583.957.760	7.489.055.345.748
310	I. Nợ ngắn hạn		3.064.975.785.475	3.066.147.732.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	873.320.088.369	911.117.587.428
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	24.747.072.369	36.950.272.261
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	104.769.639.908	155.082.323.037
314	4. Phải trả người lao động		106.002.646.363	104.265.277.468
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	75.655.631.984	73.997.809.085
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	128.586.272.901	104.117.791.084
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	49.577.647.168	100.348.090.498
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.633.856.296.348	1.541.823.432.543
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	19.739.054.071	21.464.375.936
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		48.721.435.994	16.980.773.436
330	II. Nợ dài hạn		3.520.608.172.285	4.422.907.612.972
338	1. Vay dài hạn	19	3.514.618.455.939	4.417.023.812.778
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	5.989.716.346	5.883.800.194
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	5.194.557.551.973	4.498.431.724.187
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.194.557.551.973	4.498.431.724.187
411	1. Vốn cổ phần		3.815.899.110.000	3.180.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.815.899.110.000	3.180.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.790.410.045	70.790.410.045
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.517.214.120	5.517.214.120
415	4. Cổ phiếu quỹ		(902.752.100)	(902.752.100)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		231.918.495.008	195.460.495.008
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.071.335.074.900	1.047.566.357.114
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		262.249.247.114	236.891.411.465
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		809.085.827.786	810.674.945.649
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.780.141.509.733	11.987.487.069.935


Nguyễn Thị Loan
Người lập


Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



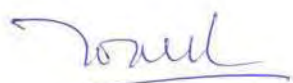

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.757.009.785.645	8.001.188.091.758
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(520.324.767.060)	(392.738.197.205)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.236.685.018.585	7.608.449.894.553
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(6.613.320.759.227)	(5.894.688.134.586)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.623.364.259.358	1.713.761.759.967
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	79.246.184.835	98.971.995.364
22	7. Chi phí tài chính	25	(377.780.159.915)	(463.741.408.131)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(347.362.703.816)	(416.658.026.801)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(137.645.570.721)	(92.767.622.364)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(212.543.315.829)	(255.379.631.179)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		974.641.397.728	1.000.845.093.657
31	11. Thu nhập khác	26	45.660.697.552	43.215.573.302
32	12. Chi phí khác	26	(1.372.193.328)	(1.648.201.135)
40	13. Lợi nhuận khác		44.288.504.224	41.567.372.167
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.018.929.901.952	1.042.412.465.824
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(208.067.666.439)	(240.636.092.847)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	28.1	(1.776.407.727)	8.898.572.672
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		809.085.827.786	810.674.945.649
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.121	2.125
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.121	2.125

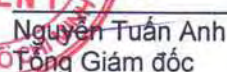


Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán




Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.018.929.901.952	1.042.412.465.824
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		678.129.827.124	618.843.660.510
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(4.379.003.073)	4.540.471.175
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.993.619.861)	(43.172.674.029)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(81.976.856.258)	(45.123.531.776)
06	Chi phí lãi vay	25	347.362.703.816	416.658.026.801
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.932.072.953.700	1.994.158.418.505
09	Tăng các khoản phải thu		(67.777.064.914)	(34.485.846.938)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(91.193.563.601)	137.921.462.684
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(67.074.002.510)	22.167.641.338
12	Giảm chi phí trả trước		3.691.210.953	68.286.175.376
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		-	(19.692.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(350.883.516.678)	(509.350.168.445)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(261.021.373.665)	(221.715.121.990)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(81.219.337.442)	(9.253.803.044)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.016.595.305.843	1.447.709.065.486
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(131.727.135.851)	(158.162.619.320)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		37.009.606.740	8.244.187.904
24	Tiền thu hồi từ đáo hạn tiền gửi ngân hàng		-	30.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(13.770.000.000)	-
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		16.478.979.426	4.214.994.547
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(92.008.549.685)	(115.703.436.869)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.394.701.755.467	4.571.877.986.019
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.178.577.519.651)	(5.777.318.892.452)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(143.171.500)	(46.225.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(784.018.935.684)	(1.205.487.131.433)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		140.567.820.474	126.518.497.184
60	Tiền đầu năm		345.519.758.971	219.000.746.505
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		446.811	515.282
70	Tiền cuối năm	4	486.088.026.256	345.519.758.971



Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLĐ do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014
Ngày 8 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.826 (31 tháng 12 năm 2015: 2.839).

SỰ KIẾN QUAN TRỌNG

Công ty thực hiện di dời Trạm nghiền Thủ Đức theo Thông báo số 769/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo đến Công ty ngày 5 tháng 10 năm 2015. Do đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động sản xuất tại Trạm nghiền Thủ Đức đã được ngừng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng và giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 25 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng, hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu phát sinh từ việc cổ phần hóa của Công ty theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 và Quyết định số 865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các văn bản có liên quan được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị này được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại, sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm liên quan đến xi măng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	236.869.767	437.038.071
Tiền gửi ngân hàng	<u>485.851.156.489</u>	<u>345.082.720.900</u>
TỔNG CỘNG	<u>486.088.026.256</u>	<u>345.519.758.971</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh thể hiện các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết. Chi tiết như sau:

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.632.180.000	(1.361.110.450)	6.271.069.550	7.632.180.000	(1.879.655.700)	5.752.524.300
Các khoản đầu tư khác	3.144.111.414	(2.008.903.364)	1.135.208.050	3.144.111.414	(1.707.698.714)	1.436.412.700
TỔNG CỘNG	10.776.291.414	(3.370.013.814)	7.406.277.600	10.776.291.414	(3.587.354.414)	7.188.937.000

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết		23.970.000.000		10.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (*)	45,90%	13.770.000.000	-	-
Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô	24,00%	10.200.000.000	24,00%	10.200.000.000
Đầu tư vào các công ty khác (**)	3.010.000	29.414.000.000	3.010.000	30.912.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	-	(26.586.000.000)	-	(25.088.000.000)
TỔNG CỘNG		53.384.000.000		41.112.000.000

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ đã được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ ("Bất Động sản Trường Thọ") (Thuyết minh số 34).

(**) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	409.113.008.926	288.475.439.247
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Xuân Anh	169.134.896.765	91.386.532.335
- Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc Gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước	43.522.562.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	196.455.549.661	197.088.906.912
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	291.715.704	35.191.756.179
TỔNG CỘNG	409.404.724.630	323.667.195.426
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.656.659.300)	(2.761.659.300)
GIÁ TRỊ THUẦN	406.748.065.330	320.905.536.126

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	24.073.697.660	39.566.520.015
- Liên doanh Công ty TNHH Siam Vina - Công ty TNHH Flsmidth	-	5.117.357.557
- Các khoản trả trước khác	24.073.697.660	34.449.162.458
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	872.413.000	815.275.000
TỔNG CỘNG	24.946.110.660	40.381.795.015

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	19.867.036.426	25.812.310.436
Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	9.679.963.052	13.803.507.823
Phải thu bồi thường từ công ty bảo hiểm	3.787.563.000	-
Ứng trước cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.294.450.480
Phải thu khác	6.399.510.374	8.714.352.133
Dài hạn	11.818.942.773	10.617.995.037
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.818.942.773	10.617.995.037
TỔNG CỘNG	31.685.979.199	36.430.305.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	471.846.953.295	-	331.080.581.930	-
Nguyên vật liệu	297.444.947.411	(30.834.348.904)	264.282.382.279	(34.769.605.664)
Hàng mua đang đi đường	50.730.813.307	-	67.766.653.935	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.737.837.527	-	2.298.497.912	-
Công cụ, dụng cụ	3.471.404.439	-	2.732.261.402	-
TỔNG CỘNG	828.231.955.979	(30.834.348.904)	668.160.377.458	(34.769.605.664)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(34.769.605.664)	(25.037.282.169)
Dự phòng trích lập trong năm	(28.643.396.857)	(9.732.323.495)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	32.578.653.617	-
Số cuối năm	<u>(30.834.348.904)</u>	<u>(34.769.605.664)</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
	Ngắn hạn	4.827.318.285
Chi phí bảo hiểm	4.566.104.168	2.383.604.564
Khác	261.214.117	517.565.392
Dài hạn	95.597.815.057	101.215.174.339
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	53.225.105.049	29.051.840.810
Chi phí bốc tâng phủ	28.854.659.920	25.337.796.355
Khác	13.518.050.088	46.825.537.174
TỔNG CỘNG	100.425.133.342	104.116.344.295

(*) Đã được Công ty thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	3.862.912.670.322	8.578.624.823.928	378.685.527.844	29.919.447.045	961.208.071.037	13.811.350.540.176
Mua mới trong năm	1.499.727.273	19.727.343.066	2.422.154.546	3.098.055.045	-	26.747.279.930
Đầu tư xây dựng cơ bản ("ĐT XD CB") hoàn thành	11.000.160.510	6.171.147.768	-	-	4.456.767.002	21.628.075.280
Thay đổi nguyên giá do quyết toán ĐTXDCB	7.660.947.723	(2.916.875.309)	(1.984.589.668)	(11.597.690)	(894.041.564)	1.853.843.492
Thanh lý, nhượng bán	(30.400.233.942)	(147.701.701.467)	(10.283.659.663)	(2.090.130.185)	(86.425.600)	(190.562.150.857)
Số cuối năm	<u>3.852.673.271.886</u>	<u>8.453.904.737.986</u>	<u>368.839.433.059</u>	<u>30.915.774.215</u>	<u>964.684.370.875</u>	<u>13.671.017.588.021</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	202.639.624.526	1.008.532.249.573	92.081.936.634	14.491.589.510	36.939.449.030	1.354.684.849.273
Chờ thanh lý	2.635.973.620	1.749.278.526	2.200.000.000	261.146.780	-	6.846.398.926
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	1.028.638.153.283	3.192.956.761.963	226.226.280.239	24.100.036.624	196.810.033.175	4.668.731.265.284
Khấu hao trong năm	148.799.782.338	457.667.294.752	27.842.426.976	2.406.336.689	38.086.269.504	674.802.110.259
Thanh lý, nhượng bán	(30.080.779.411)	(147.649.063.109)	(10.283.659.663)	(2.090.130.185)	(86.425.600)	(190.190.057.968)
Số cuối năm	<u>1.147.357.156.210</u>	<u>3.502.974.993.606</u>	<u>243.785.047.552</u>	<u>24.416.243.128</u>	<u>234.809.877.079</u>	<u>5.153.343.317.575</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>2.834.274.517.039</u>	<u>5.385.668.061.965</u>	<u>152.459.247.605</u>	<u>5.819.410.421</u>	<u>764.398.037.862</u>	<u>9.142.619.274.892</u>
Số cuối năm	<u>2.705.316.115.676</u>	<u>4.950.929.744.380</u>	<u>125.054.385.507</u>	<u>6.499.531.087</u>	<u>729.874.493.796</u>	<u>8.517.674.270.446</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	8.382	168.438.678	-	-	-	168.447.060
Chờ thanh lý	15.855.735	39.752.452	-	-	-	55.608.187

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	105.613.469.742	4.020.085.388	11.661.168.780	121.294.723.910
Mua trong năm	-	-	7.592.690.400	7.592.690.400
Số cuối năm	105.613.469.742	4.020.085.388	19.253.859.180	128.887.414.310
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.789.508.560	1.681.829.388	4.041.792.592	7.513.130.540
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	5.354.408.991	3.421.410.701	7.406.226.713	16.182.046.405
Hao mòn trong năm	599.278.702	287.553.442	2.487.884.470	3.374.716.614
Số cuối năm	5.953.687.693	3.708.964.143	9.894.111.183	19.556.763.019
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	100.259.060.751	598.674.687	4.254.942.067	105.112.677.505
Số cuối năm	99.659.782.049	311.121.245	9.359.747.997	109.330.651.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu	505.475.308.617	440.963.414.668
Các dự án tại Bình Phước	287.806.418.115	346.054.411.649
Các dự án tại Kiên Lương	186.594.467.859	170.129.626.493
Khác	136.283.410.502	56.232.077.105
TỔNG CỘNG	<u>1.116.159.605.093</u>	<u>1.013.379.529.915</u>

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay là 10.835.370.180 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.809.004.613 VND). Các khoản lãi vay này phát sinh từ khoản vay nhằm đầu tư xây dựng dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	630.599.165.767	630.599.165.767	662.720.186.421	662.720.186.421
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	242.720.922.602	242.720.922.602	248.397.401.007	248.397.401.007
TỔNG CỘNG	<u>873.320.088.369</u>	<u>873.320.088.369</u>	<u>911.117.587.428</u>	<u>911.117.587.428</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	24.747.072.369	30.633.159.242
- Every Bright Rich Trading Company Ltd	3.950.587.065	-
- Công ty Cổ phần Trang Trí	3.781.442.025	4.170.858.530
- Karuna Co., Ltd	2.624.080.650	2.858.717.400
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh	-	9.167.363.482
- Khác	14.390.962.629	14.436.219.830
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	-	6.317.113.019
TỔNG CỘNG	<u>24.747.072.369</u>	<u>36.950.272.261</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Số phải trả trong năm	Số đã nộp/ cần trừ trong năm	VND Số cuối năm
Thuế GTGT	44.896.203.756	287.976.268.913	(288.850.993.301)	44.021.479.368
Thuế TNDN	88.410.976.232	208.067.666.439	(261.021.373.665)	35.457.269.006
Thuế tài nguyên	9.018.812.894	43.812.031.135	(40.237.825.217)	12.593.018.812
Thuế thu nhập cá nhân	4.757.044.788	18.411.366.874	(15.597.841.919)	7.570.569.743
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.078.949.922	(12.159.405.073)	919.544.849
Thuế, phí khác	7.999.285.367	76.206.116.433	(79.997.643.670)	4.207.758.130
TỔNG CỘNG	155.082.323.037	647.552.399.716	(697.865.082.845)	104.769.639.908

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí lãi vay	69.243.717.629	72.750.065.043
Khác	6.411.914.355	1.247.744.042
TỔNG CỘNG	75.655.631.984	73.997.809.085
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	75.341.349.722	73.369.244.561
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	314.282.262	628.564.524

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí tài trợ giáo dục	17.393.050.000	25.000.000.000
Tạm ứng bồi thường bảo hiểm	7.640.000.000	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	50.000.000.000
Khác	24.544.597.168	25.348.090.498
TỔNG CỘNG	49.577.647.168	100.348.090.498
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	49.577.647.168	50.348.090.498
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.633.856.296.348	1.541.823.432.543
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	888.330.042.723	796.225.610.115
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	744.526.253.625	742.597.822.428
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	1.000.000.000	3.000.000.000
Vay dài hạn	3.514.618.455.939	4.417.023.812.778
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	3.444.961.873.466	4.343.367.230.306
Vay dài hạn bên khác (Thuyết minh số 19.3)	52.088.008.866	56.088.008.865
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 19.4)	17.568.573.607	17.568.573.607
TỔNG CỘNG	<u>5.148.474.752.287</u>	<u>5.958.847.245.321</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.541.823.432.543	4.417.023.812.778
Tiền thu từ đi vay	2.390.249.447.495	4.452.307.972
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	887.697.875.618	(887.697.875.618)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.178.577.519.651)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ	(7.336.939.657)	(19.159.789.193)
Số cuối năm	<u>1.633.856.296.348</u>	<u>3.514.618.455.939</u>
Số có khả năng trả nợ	1.633.856.296.348	3.514.618.455.939

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND
	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	391.263.591.102
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	382.686.345.600
Vietinbank – Chi nhánh Kiên Giang (*)	114.380.106.021
TỔNG CỘNG	<u>888.330.042.723</u>

(*) Các khoản vay ngắn hạn này có cùng tài sản thế chấp với các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 19.2); và

(**) Đây là các khoản vay ngắn hạn tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
<i>BIDV – Chi nhánh Sở Giao dịch II (i)</i>		
Khoản vay số 1	84.981.249.987	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 2	98.018.750.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 3	71.900.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2022
Khoản vay số 4	114.578.627.191	Ngày 22 tháng 6 năm 2020
<i>Vay hợp vốn của 9 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Sở Giao dịch II làm đầu mối (ii)</i>	1.543.933.888.973	Ngày 26 tháng 10 năm 2022
<i>Ngân hàng Société Générale (iii)</i>		
Khoản vay số 1	477.312.916.942	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 2	217.173.032.876	Ngày 28 tháng 2 năm 2020
Khoản vay số 3	109.574.846.903	Ngày 26 tháng 2 năm 2020
<i>Vietinbank - Chi nhánh Kiên Giang (iv)</i>		
Khoản vay số 1	308.163.663.420	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 2	174.496.250.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 3	27.868.049.340	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (v)</i>	137.264.204.157	Ngày 30 tháng 12 năm 2018
<i>Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang (vi)</i>		
Khoản vay số 1	57.413.232.784	Ngày 8 tháng 5 năm 2018
Khoản vay số 2	37.400.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2018
<i>Ngân hàng Calyon (vii)</i>		
Khoản vay số 1	398.191.399.542	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Khoản vay số 2	127.000.237.042	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<i>Vay hợp vốn của 2 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa làm đầu mối (viii)</i>		
Khoản vay số 1	116.517.482.710	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
Khoản vay số 2	87.700.295.224	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	<u>4.189.488.127.091</u>	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	744.526.253.625	
<i>Vay dài hạn</i>	3.444.961.873.466	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

- (i) Mục đích của khoản vay số 1, 2 và 3 nhằm tài trợ việc xây dựng Trạm nghiền Phú Hữu tọa lạc tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
Mục đích của khoản vay số 4 nhằm tài trợ chi phí đầu tư dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Công ty đã thế chấp quyền thừa kế chủ đầu tư đường bộ Phú Hữu B.O.T (bao gồm quyền thu phí) và các quyền tài sản khác phát sinh từ dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Ngoài ra, khoản vay này được Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam bảo lãnh trả nợ thay cả gốc và lãi. Thời gian vay là 5 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (ii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Nhà máy Xi măng Bình Phước và Trạm nghiền Phú Hữu, tọa lạc tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước và tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (iii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ gói thiết bị số 1 của Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng và LIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (iv) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Tài sản thế chấp cho các khoản vay này là quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (v) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời hạn vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vi) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Long An tọa lạc tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Hà Tiên 2.2. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (viii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc tiếp nhận Dự án Trạm nghiền Cam Ranh tọa lạc tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

19.3 Vay dài hạn bên khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
	<i>VND</i>	
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	<u>53.088.008.866</u>	Ngày 26 tháng 4 năm 2020
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.000.000.000</i>	
<i>Vay dài hạn</i>	<i>52.088.008.866</i>	

Đây là khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay là 7 năm 6 tháng với lãi suất thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.4 Vay dài hạn bên liên quan

	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	<u>17.568.573.607</u>	Ngày 25 tháng 4 năm 2020

Đây là khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Ngắn hạn	19.739.054.071	21.464.375.936
Chi phí liên quan đến việc di dời Trạm nghiền Thủ Đức	16.656.325.800	19.409.223.750
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	3.082.728.271	2.055.152.186
Dài hạn	5.989.716.346	5.883.800.194
Phí phục hồi môi trường	5.989.716.346	5.883.800.194
TỔNG CỘNG	<u>25.728.770.417</u>	<u>27.348.176.130</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)							
Số đầu năm	3.180.000.000.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	142.991.341.928	315.595.141.025	3.713.991.355.018
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	810.674.945.649	810.674.945.649
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	52.469.153.080	(78.703.729.560)	(26.234.576.480)
Số cuối năm	<u>3.180.000.000.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>195.460.495.008</u>	<u>1.047.566.357.114</u>	<u>4.498.431.724.187</u>
Năm nay							
Số đầu năm	3.180.000.000.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	195.460.495.008	1.047.566.357.114	4.498.431.724.187
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	635.899.110.000	-	-	-	-	(635.899.110.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	809.085.827.786	809.085.827.786
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	36.458.000.000	(149.418.000.000)	(112.960.000.000)
Số cuối năm	<u>3.815.899.110.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>231.918.495.008</u>	<u>1.071.335.074.900</u>	<u>5.194.557.551.973</u>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 63.589.911 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ngày 8 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	381.589.911	3.815.899.110.000	318.000.000	3.180.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	381.589.911	3.815.899.110.000	318.000.000	3.180.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	48.000	480.000.000	48.000	480.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	381.541.911	3.815.419.110.000	317.952.000	3.179.520.000.000

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	8.757.009.785.645	8.001.188.091.758
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.656.558.986.546	7.815.578.275.683
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	100.450.799.099	185.609.816.075
Các khoản giảm trừ doanh thu	(520.324.767.060)	(392.738.197.205)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(520.324.767.060)</i>	<i>(392.738.197.205)</i>
Doanh thu thuần	8.236.685.018.585	7.608.449.894.553
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.136.234.219.486	7.422.877.133.478
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	100.450.799.099	185.572.761.075
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	8.204.910.390.904	7.439.461.951.659
<i>Doanh thu với bên liên quan</i>	31.774.627.681	168.987.942.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	31.483.993.544	63.584.295.198
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.470.491.426	2.233.341.547
Thu nhập từ cổ tức	3.008.488.000	1.981.653.000
Khác	31.283.211.865	31.172.705.619
TỔNG CỘNG	79.246.184.835	98.971.995.364

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Giá vốn của xi măng, clinker	6.503.365.311.436	5.711.752.790.536
Giá vốn của vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	109.955.447.791	182.935.344.050
TỔNG CỘNG	6.613.320.759.227	5.894.688.134.586

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí bán hàng	137.645.570.721	92.767.622.364
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	66.022.899.572	26.102.900.378
Chi phí nhân viên	40.397.525.696	36.160.502.716
Các chi phí khác	31.225.145.453	30.504.219.270
Chi phí quản lý doanh nghiệp	212.543.315.829	255.379.631.179
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	72.692.452.086	41.535.206.515
Chi phí nhân viên	62.620.432.150	53.904.070.428
Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	26.675.228.100	81.159.625.896
Các chi phí khác	50.555.203.493	78.780.728.340
TỔNG CỘNG	350.188.886.550	348.147.253.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	347.362.703.816	416.658.026.801
Chiết khấu thanh toán	27.333.229.084	17.855.043.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.803.567.615	5.268.352.699
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn	1.280.659.400	23.959.984.700
TỔNG CỘNG	<u>377.780.159.915</u>	<u>463.741.408.131</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Thu nhập khác	45.660.697.552	43.215.573.302
Lãi thanh lý tài sản	34.214.664.967	679.268.109
Nợ phải trả không ai đòi	6.549.324.333	-
Hoàn nhập dự phòng phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	30.402.347.230
Lãi phát sinh từ đánh giá lại tài sản đem đầu tư	-	9.068.834.221
Khác	4.896.708.252	3.065.123.742
Chi phí khác	(1.372.193.328)	(1.648.201.135)
Khấu hao của tài sản ngừng sử dụng	(349.787.827)	(457.428.579)
Chi phí khác	(1.022.405.501)	(1.190.772.556)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>44.288.504.224</u>	<u>41.567.372.167</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.757.983.559.126	4.035.404.038.396
Chi phí nhân viên	616.447.323.011	592.075.559.021
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	677.780.039.297	618.386.231.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.076.065.582.200	864.861.332.744
TỔNG CỘNG	<u>7.128.276.503.634</u>	<u>6.110.727.162.092</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Chi phí phải trả	7.122.358.467	8.900.407.388	(1.778.048.921)	8.900.407.388
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(193.522)	(1.834.716)	1.641.194	(1.834.716)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>7.122.164.945</u>	<u>8.898.572.672</u>		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>(1.776.407.727)</u>	<u>8.898.572.672</u>

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Bên liên quan của Công ty phần lớn là các đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công xi măng Mua nguyên vật liệu Bán clinker, vật tư	663.529.289.620 7.786.144.462 6.017.443.955	- - -
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Mua than	306.716.956.490	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí tư vấn Chi phí hỗ trợ Bán xi măng Chi phí lãi vay Mua vỏ bao Dịch vụ khác	124.140.754.978 4.000.000.000 2.229.695.460 1.250.296.823 775.716.760 -	55.845.016.030 1.800.000.000 8.702.519.530 1.246.880.711 - 483.974.762
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển Cung cấp dịch vụ	122.475.888.976 221.993.731	164.599.905.443 289.278.720
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Mua clinker	37.468.059.545	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Bên liên quan	Mua Clinker Bán hàng hóa Mua tài sản cố định Bán cát	31.549.886.169 2.073.341.140 853.031.818 110.260.000	- - - 154.513.000
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	22.492.349.839	154.650.708.764
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao Thu nhập cổ tức	16.079.808.773 280.000.000	8.271.638.952 210.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ	Công ty liên kết	Góp vốn	13.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển Cung cấp dịch vụ	11.098.476.028 36.944.272	8.736.997.074 -
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua vỏ bao	10.064.394.007	7.826.380.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	8.689.047.549	5.918.752.842
		Bán cát, clinker và gia công xi măng	311.905.455	954.179.639
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	8.102.705.457	-
		Bán cát	154.215.000	156.450.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Mua clinker	6.386.734.545	-
		Bán cát	-	175.595.455
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Mua clinker	5.715.821.444	-
		Bán cát	92.422.910	138.634.365
		Chi phí quảng cáo	-	500.000.000
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	5.864.285.259	3.167.161.805
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Phí gia công	2.804.727.272	1.873.090.910
		Bán cát	-	18.818.182
Nhà Máy Vật liệu Chịu lửa Kiểm tính Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	1.390.571.000	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	714.928.800	451.340.000
Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	500.000.000	-
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Bên liên quan	Phí đào tạo	184.720.000	344.020.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Bán cát	108.306.150	175.200.000
Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Mua clinker	-	126.332.954.490
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	Bên liên quan	Chi phí dự án	-	30.780.990.714
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Bên liên quan	Bán xi măng	-	5.118.035.183
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Bên liên quan	Phí gia công xi măng	-	2.684.649.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Bán cát	169.636.500	172.095.000
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	111.002.100	34.938.447.027
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	11.077.104	30.381.552
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Bán cát	-	50.832.600
			291.715.704	35.191.756.179
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	872.413.000	815.275.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	(68.553.315.787)	(36.040.586.166)
		Mua vỏ bao	(853.288.436)	-
		Dịch vụ khác	-	(420.538.400)
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(68.319.356.850)	(118.470.471.001)
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công	(57.873.623.530)	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(22.696.460.820)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	(9.557.952.304)	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao	(4.468.786.740)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua vỏ bao	(4.137.540.000)	(1.689.179.360)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(2.383.951.610)	(2.197.301.670)
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	(2.175.100.425)	(1.083.873.950)
Nhà Máy Vật liệu Chịu lửa Kiểm tính Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	(1.529.628.100)	-
Viện Công Nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	(171.918.000)	-
Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Mua clinker	-	(86.435.050.460)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Mua clinker	-	(2.060.400.000)
			(242.720.922.602)	(248.397.401.007)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Ứng trước tiền gia công xi măng	-	(6.317.113.019)
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(314.282.262)	(628.564.524)
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	(50.000.000.000)
Vay dài hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(17.568.573.607)	(17.568.573.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.658.577.084	4.463.877.294
Thù lao	468.000.000	471.000.000
TỔNG CỘNG	5.126.577.084	4.934.877.294

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	809.085.827.786	810.674.945.649
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (*) (cổ phiếu)	381.541.911	381.541.911
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	2.121	2.125
- Lãi suy giảm	2.121	2.125

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh hồi tố liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thực hiện trong năm hiện tại.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	27.070.888.169	17.813.585.588
Trên 1 - 5 năm	62.203.191.161	36.959.700.909
Trên 5 năm	596.255.157.219	293.262.467.347
TỔNG CỘNG	685.529.236.549	348.035.753.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.395.687.412	1.395.687.412
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	350.848	188.718
- Euro (EUR)	90	95

33. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Căn cứ theo Quyết định số 1080/QĐ-KTNN ngày 6 tháng 6 năm 2016, Cơ quan Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh lại các khoản mục bị ảnh hưởng của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như trình bày dưới đây:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
		<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại</i>	<i>Số liệu đã được trình bày lại</i>
VND				
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Hàng tồn kho	141	645.257.818.054	22.902.559.404	668.160.377.458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.140.265.956	(1.239.096.000)	2.901.169.956
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	38.585.750	1.239.096.000	1.277.681.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	56.113.998.258	45.101.176.081	101.215.174.339
TỔNG TÀI SẢN	270	11.919.483.334.450	68.033.735.485	11.987.487.069.935
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	120.449.111.637	34.633.211.400	155.082.323.037
Phải trả người lao động	314	106.875.634.037	(2.610.356.569)	104.265.277.468
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	77.056.778.853	(3.058.969.768)	73.997.809.085
Phải trả ngắn hạn khác	319	102.886.347.643	(2.538.257.145)	100.348.090.498
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	51.866.723.166	(30.402.347.230)	21.464.375.936
Quỹ đầu tư phát triển	418	202.019.139.008	(6.558.644.000)	195.460.495.008
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước	421a	230.332.767.465	6.558.644.000	236.891.411.465
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	738.694.490.852	71.980.454.797	810.674.945.649
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	11.919.483.334.450	68.003.735.485	11.987.487.069.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)


Chỉ tiêu	Mã số	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Số liệu trình bày trước đây	Ảnh hưởng của việc trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
VND				
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	(5.934.404.661.901)	39.716.527.315	(5.894.688.134.586)
Chi phí bán hàng	25	(85.717.896.929)	(7.049.725.435)	(92.767.622.364)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(282.054.859.279)	26.675.228.100	(255.379.631.179)
Thu nhập khác	31	10.274.968.927	32.940.604.375	43.215.573.302
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	950.129.831.469	92.282.634.355	1.042.412.465.824
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(220.333.913.289)	(20.302.179.558)	(240.636.092.847)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	738.694.490.852	71.980.454.797	810.674.945.649
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Lợi nhuận trước thuế	01	950.129.831.469	92.282.634.355	1.042.412.465.824
Các khoản dự phòng	03	34.942.818.405	(30.402.347.230)	4.540.471.175
Tăng các khoản phải thu	09	(33.246.750.938)	(1.239.096.000)	(34.485.846.938)
Giảm hàng tồn kho	10	160.824.022.088	(22.902.559.404)	137.921.462.684
Tăng các khoản phải trả	11	16.044.192.978	6.123.448.360	22.167.641.338
Giảm chi phí trả trước	12	112.148.255.457	(43.862.080.081)	68.286.175.376

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 19,10% tỷ lệ sở hữu trong Bất Động sản Trường Thọ và đạt tỷ lệ sở hữu trong Bất Động sản Trường Thọ là 65% theo GCNĐKDN số 0313888915 – Điều chỉnh lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 3 năm 2017.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Nguyễn Thị Loan
Người lập


Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán




Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017